UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNN CƯ (PHƯƠNG ÁN ĐỢT 01)

Công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi
Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi



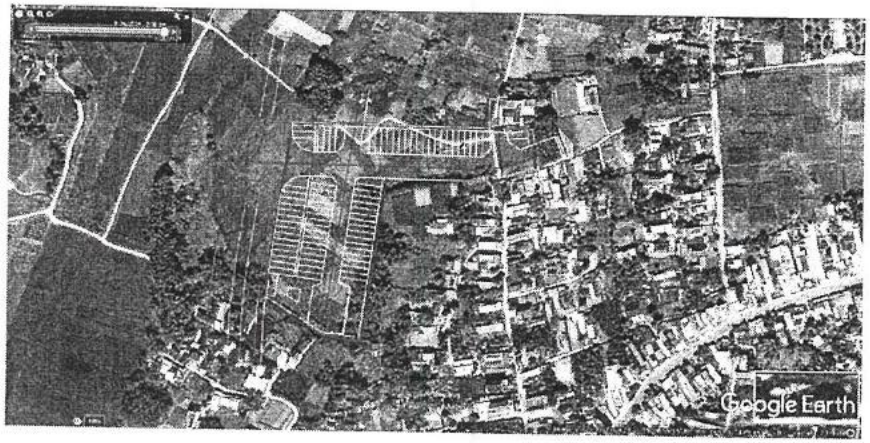
Quảng Ngãi, tháng 4 năm 2026

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tư do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNN CƯ (PHƯƠNG ÁN ĐỢT 01)

Công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi
Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi



Quảng Ngãi, tháng 4 năm 2026

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 4 năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi

Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi

(Phương án đợt 1)

PHẦN I
GIỚI THIỆU CHUNG

I. Sơ lược về hình thức đầu tư, địa điểm, quy mô - tiêu chuẩn kỹ thuật, phương án xây dựng công trình:

1. Tên công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi.

2. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đơn vị lập phương án bồi thường: Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

4. Mục tiêu của dự án:

Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng các hộ dân, di dời công trình bị ảnh hưởng xây dựng tuyến Hoàng Sa - Dốc Sỏi theo các Nghị quyết: số 72/NQ-HĐND ngày 12/10/2021; số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 và 69/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Đầu tư xây dựng 10 khu tái định cư và sử dụng một số lô đất tại khu tái định cư Liên Hiệp I, Phường Trương Quang Trọng để phục vụ bố trí tái định cư cho dự án; 01 khu cải táng mồ mả. Cụ thể:

TT	Khu tái định cư/Khu cải táng mồ mả	Diện tích khu đất
1	Khu tái định cư Đông Thiên Ấn, xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 19.767,5m^2

TT	Khu tái định cư/Khu cải táng mồ mả	Diện tích khu đất
2	Khu tái định cư Lệ Thủy, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 22.890,66m^2
3	Khu tái định cư Hòa Bình, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 13.491,41m^2
4	Xây dựng Khu cải táng mồ mả tại Khu nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 15.019,1m^2
5	Khu tái định cư Đại Lộc, xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn	Khoảng 21.414,52m^2
6	Khu tái định cư Đồng Bờ Bướm, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn	Khoảng 14.311,07m^2
7	Khu tái định cư Mỹ Huệ, xã Bình Dương, huyện Bình Sơn	Khoảng 52.145,24m^2
8	Khu tái định cư Đồng Mẫu 2, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn	Khoảng 52.014,75m^2
9	Khu tái định cư Thạnh Thiện, xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn	Khoảng 45.279,20m^2
10	Khu tái định cư Phước Thọ 1, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn	Khoảng 18.955,94m^2
11	Khu tái định cư Trường Thọ, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	Khoảng 10.631m^2

- Di dời công trình công cộng: Di dời công trình điện, nước, viễn thông, trạm thu phát sóng di động (BTS) phục vụ công tác GPMB dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi *(bao gồm tuyến chính và các khu tái định cư, cải táng mồ mả).*

- Tổng diện tích bồi thường GPMB khoảng 214,54ha, trong đó:

+ Thực hiện bồi thường GPMB phần diện tích quy hoạch xây dựng tuyến chính khoảng 185,95ha (theo Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh);

+ Thực hiện bồi thường GPMB phần diện tích quy hoạch các khu tái định cư, cải táng mồ mả khoảng 28,59 ha (Theo các Quyết định phê duyệt quy hoạch).

6. Địa điểm xây dựng: phường Trương Quang Trọng, các xã: Tịnh Khê, Thọ Phong, Đông Sơn, Vạn Tường, Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Nhóm dự án, loại, cấp công trình, thời hạn sử dụng của công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II; công trình giao thông cấp IV; công trình năng lượng, cấp IV; công trình thủy lợi, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: 50 năm.

8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

10. Thời gian thực hiện: 2023-2027.

II. Tổng quan về diện tích quy hoạch dự án: Tổng diện tích bồi thường GPMB khoảng 214,54ha, trong đó:

- Thực hiện bồi thường GPMB phần diện tích quy hoạch xây dựng tuyến chính khoảng 185,95ha (theo Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh);

- Thực hiện bồi thường GPMB phần diện tích quy hoạch các khu tái định cư, cải táng mồ mả khoảng 28,59 ha (theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Diện tích quy hoạch khu tái định cư Đông Thiên Ấn: 1,97ha.

III. Căn cứ và nguyên tắc lập phương án và dự toán bồi thường:

1. Căn cứ lập phương án bồi thường:

- Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2024;

- Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho phép tiếp tục thực hiện thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền và áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Căn cứ Nghị quyết số 72/NĐ-HĐND ngày 12/10/2021 về chủ trương đầu tư dự án Đường Hoàng- Sa Dốc Sỏi;

- Căn cứ Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí từng loại đất, số lượng vị trí trong bảng giá đất; quyết định bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040;

- Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng công trình Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

- Căn cứ Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Hoàng Sa – Dốc Sỏi;

- Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

- Căn cứ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quyết định quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở công trình xây dựng khi nhà nước thu hồi đất vì mục đích Quốc phòng, an ninh lợi ích quốc gia, công cộng để phát triển kinh tế - xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ Công văn số 1286/UBND-CNXD ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện nhiệm vụ bồi thường, GPMB công trình khu tái định cư Hòa Bình, Đông Thiên Ấn và khu cải táng mồ mả tại khu nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

- Căn cứ Công văn số 4595/SNNMT-VPĐKD ngày 30/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc Quy đổi tờ bản đồ địa chính sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ Kế hoạch số số 2089/KH-TTQĐ ngày 18/9/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn Phục vụ GPMB dự á n Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

- Căn cứ Kế hoạch số 481/KH-BQL ngày 23/02/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn Phục vụ GPMB dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

- Căn cứ các Thông báo ngày 29/10/2025, ngày 31/10/2025, ngày 06/11/2025 của UBND phường Trương Quang Trọng về việc thông báo thu hồi đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng tại phường Trương Quang Trọng để thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

- Căn cứ Thông báo số 510/TB-UBND ngày 18/3/2026 của UBND phường Trương Quang Trọng công bố công khai phạm vi thu hồi đất theo tiến độ của công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi để làm cơ sở cho việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các thủ tục đất đai khác có liên quan;

- Căn cứ biên bản kiểm kê đất đai, hoa màu, vật kiến trúc,... do Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi lập ngày 10/3/2026 và ngày 16/4/2026 được hộ dân và UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận;

- Căn cứ Công văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026 của UBND phường Trương Quang Trọng về việc xác nhận thời gian mai táng mồ mả để thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

- Căn cứ Công văn số 708/UBND-PKTHTĐT ngày 29/4/2026 của UBND phường Trương Quang Trọng về việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất để thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

- Căn cứ Thông báo số 86/TB-BQL ngày 10/4/2026 của Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 01) công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua phường Trương Quang Trọng;

- Căn cứ biên bản ngày 15/11/2025 về việc bàn giao thực địa quỹ đất cải táng do Công ty Cổ phần Đầu tư Năm bảy bảy đầu tư xây dựng tại xã Tịnh Ấn Đông (cũ) để phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa – Dốc Sỏi;

- Căn cứ biên bản ngày 15/4/2026 về việc tạm chuyển số lượng mồ mả chưa có thân nhân kê khai để xác lập hồ sơ kiểm kê đứng tên UBND phường Trương Quang Trọng phục vụ lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

- Căn cứ biên bản ngày 10/4/2026 về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

- Căn cứ biên bản ngày 20/4/2026 về việc kết thúc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

- Căn cứ biên bản ngày 16/4/2026 về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 2) công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

- Căn cứ biên bản ngày 28/4/2026 về việc kết thúc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 2) công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

- Căn cứ biên bản cuộc họp ngày 21/4/2026 về việc lấy ý kiến hộ dân về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

2. Nguyên tắc bồi thường:

Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời và đúng quy định của pháp luật; vì lợi ích chung, sự phát triển bền vững, văn minh và hiện đại của cộng đồng, của địa phương; quan tâm đến đối tượng chính sách xã hội, đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo Điều 91; đối với các trường hợp đặc biệt là Điều 92 của Luật Đất đai năm 2024.

a. Bồi thường về đất:

Các trường hợp được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng khi đảm bảo các điều kiện được quy định từ Điều 95 đến Điều 100 của Luật Đất đai năm 2024; từ Điều 4 đến Điều 13 Nghị Định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ; Điều 5 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì được bồi thường.

Trường hợp không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo Điều 101 Luật Đất đai năm 2024.

b. Hỗ trợ, bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

Ngoài bồi thường về đất, khi Nhà nước thu hồi đất còn được hỗ trợ, bố trí tái định cư khi đảm bảo các điều kiện được quy định tại Điều 108, Điều 109 và Điều 111 của Luật Đất đai năm 2024; từ Điều 19 đến Điều 24 Nghị Định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ; từ Điều 10 đến Điều 16 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

c. Bồi thường thiệt hại về tài sản, chi phí đầu tư đất còn lại:

Bồi thường thiệt hại về tài sản, chi phí đầu tư vào đất khi đảm bảo các điều kiện được quy định từ Điều 102 đến Điều 104 và Điều 106, Điều 107 Luật Đất đai năm 2024; từ Điều 14 đến Điều 18 Nghị Định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ; Điều 3, Điều 4 và từ Điều 6 đến Điều 9 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp không được bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo Điều 105 Luật Đất đai năm 2024. Tuy nhiên căn cứ khoản 12, 13, 14 và 15 Điều 5 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì nhà, công trình phục vụ đời sống, công trình phục vụ sản xuất và các công trình khác tùy theo thời điểm xây dựng và mục đích sử dụng còn được hỗ trợ theo từng trường hợp cụ thể, đối với cây trồng được hỗ trợ không quá 30% giá trị cây trồng nếu được UBND xã xác nhận trồng trước khi cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án.

3. Phân tích đơn giá:

a. Bồi thường, hỗ trợ về đất: Phương án đợt này không có bồi thường, hỗ trợ về đất.

b. Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi: Phương án đợt này không có bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi.

c. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất:

Căn cứ khoản 4 và khoản 5 Điều 102 Luật Đất đai 2024: *"4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng quy định tại Điều này để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; đơn*

giá bồi thường thiệt hại quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này".

Căn cứ Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ quy định: *"Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất".*

Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ kèm theo Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về đơn giá bồi thường nhà, nhà ở, công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế, xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và đơn giá bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất tại Điều 8 kèm theo Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

d. Bồi thường về mồ mả:

Căn cứ khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ: *"2. Đối với mồ mả trong phạm vi đất thu hồi phải di dời thì được bồi thường các chi phí bao gồm: chi phí đào, bốc, di dời, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp để di dời mồ mả đến vị trí mới trong nghĩa trang theo quy hoạch của địa phương; trường hợp tự thu xếp việc di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí thì được hỗ trợ tiền. Trường hợp quận, thành phố, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có đất thu hồi không còn quỹ đất trong các nghĩa trang thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát quỹ đất tại địa bàn các đơn vị hành chính cấp huyện khác để bố trí di dời mồ mả, quy định chính sách hỗ trợ để khuyến khích hình thức hoả táng, lưu giữ tro cốt tại các cơ sở lưu giữ tro cốt nhằm thực hiện nếp sống văn minh, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững, góp phần bảo vệ môi trường. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi thường, hỗ trợ tại khoản này phù hợp với tập quán và thực tế tại địa phương".*

Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ kèm theo Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về đơn giá bồi thường nhà, nhà ở, công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế, xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và đơn giá bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất tại Điều 8 kèm theo Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

e. Các khoản hỗ trợ: Phương án đợt này không có các khoản hỗ trợ.

PHẦN II
TỔNG MỨC KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TRỰC TIẾP, CHI PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG VÀ DỰ PHÒNG CHI

I. Phương án bồi thường, hỗ trợ công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, gồm:

1. Tổng diện tích đất thu hồi (phương án đợt 1): **1.943,8 m²** *(Trong quy hoạch: 1.943,8 m²; ngoài quy hoạch đề nghị thu hồi luôn: 0,0 m²).*

Diện tích từng loại đất thu hồi:

- Đất nghĩa địa (NTD): 797,9 m².
- Đất giao thông (DGT): 908,3 m².
- Đất thủy lợi (DTL): 237,6 m².

2. Tổng số người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: 12 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức.

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (nếu có): Không.

4. Phương án bố trí tái định cư (nếu có): Không.

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Tổng số mộ bị ảnh hưởng dự án là 51 mộ (gồm 39 mộ đất, 12 mộ xây); trong đó lập trong phương án đợt 1 là có 50 mộ (trong đó 11 mộ xây và 39 mộ đất). Di dời mồ mả khi thu hồi đất thực hiện dự án đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi di dời về Nghĩa trang đã xây dựng thuộc phường Trương Quang Trọng (thôn Tự Do, xã Tịnh Ấn Đông cũ) do Công ty Năm bảy bảy đầu tư xây dựng và đã bàn giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh thực hiện cải táng mồ mả bị ảnh hưởng để giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi tại Biên bản bàn giao thực địa ngày 15/11/2025.

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không.

7. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bao gồm: Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác**: 569.184.000 đồng.**

(Năm trăm sáu mươi chín triệu, một trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp: 531.450.538 đồng. Gồm:

+ Bồi thường, hỗ trợ về đất : 0 đồng.
+ Bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa, vật kiến trúc : 0 đồng.
+ Bồi thường, hỗ trợ về mồ mả : 531.450.538 đồng.
+ Bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu : 0 đồng.
+ Các khoản hỗ trợ : 0 đồng.

- Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác (tạm tính): 37.732.988 đồng *(Giá trị chi phí này là tạm tính (hoàn toàn chưa có giá trị pháp lý), Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh có trách nhiệm lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định để làm cơ sở thực hiện).*

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Từ ngày phương án được phê duyệt.

9. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: **12 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức.**

10. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

II. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Theo Phần II, mục 1, điểm i):

1. Bà Nguyễn Thị Mai Liên

a) Bà Nguyễn Thị Mai Liên; Địa chỉ: Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: không có.

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản: mồ mả.

Bà Nguyễn Thị Mai Liên có tổng cộng 10 ngôi mộ mai táng > 3 năm. Trong đó: có 04 mộ xây cọc số 1, 3, 4, 9 (trên thửa đất số 429, tờ bản đồ dự án số 1); 03 mộ đất chiếc (viền xây đá chẻ vữa xi măng) cọc số 5, 6, 8 (trên thửa đất số 429, tờ bản đồ dự án số 1); 01 mộ đất (phía trên phủ bê tông xi măng) cọc số 2 (trên thửa đất số 429, tờ bản đồ dự án số 1) và 02 mộ đất chiếc cọc số 7, 10 (trên thửa đất số 429, tờ bản đồ dự án số 1). Thời gian mai táng mồ mả của thân nhân có mồ mả bị ảnh hưởng bởi dự án được UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026.

d) Tài sản tính bồi thường:

- Đối với mộ xây M05-3 (Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ,

tường quét vôi) có diện tích ≥ 5m^2 mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 1.726.000 đồng/m^2 theo quy định tại Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi nhân với hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực là 1,018 đối với phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi cũ theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và được hỗ trợ di dời đến vị trí mới 850.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ xây cọc số 1: 8,74 m^2 x 1.726.000 đồng/m^2 x1,018 = 15.356.774 đồng.

+ Mộ xây cọc số 3: 11,00 m^2 x 1.726.000 đồng/m^2 x1,018 = 19.327.748 đồng.

+ Mộ xây cọc số 4: 9,48 m^2 x 1.726.000 đồng/m^2 x1,018 = 16.652.612 đồng.

+ Mộ xây cọc số 9: 11,28 m^2 x 1.726.000 đồng/m^2 x1,018 = 19.826.755 đồng.

+ Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (04 mộ: cọc số 1, 3, 4, 9): 4 x 850.000 = 3.400.000 đồng.

- Đối với mộ đất chiếc (viền xây đá chẻ vữa xi măng, hoặc phía trên nấm mộ phủ bê tông xi măng) mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 5.100.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; phần xây đá chẻ theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (phía trên phủ bê tông xi măng) (Cọc số 2): 1 x 5.100.000 đồng/mộ =5.100.000 đồng.

+ Bê tông xi măng nấm mộ (cọc số 2): 0,08 x 5.692.000 đồngx1,018=454.865 đồng.

+ Mộ đất chiếc (viền xây đá chẻ vữa xi măng) (Cọc số: 5,6,8): 3 x 5.100.000 đồng/mộ =15.300.000 đồng.

+ Xây móng đá chẻ vữa xi măng viền mộ (cọc số 5, 6, 8): 0,16 x1.412.000 đồngx1,018= 232.861 đồng.

+ Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 7,10): 2 x 5.100.000 đồng/mộ =10.200.000 đồng.

đ) Các khoản hỗ trợ: không có.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 105.851.616 đồng.

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	**ĐẤT ĐAI**						**0**
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH**						**0**
C	**CÂY CỐI HOA MÀU**						**0**

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
D	**MỒ MẢ**						**105.851.616**
1	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi (Cọc số: 1)	m^2	8,74	100%	1.726.000	1,018	15.356.774
2	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi (Cọc số: 3)	m^2	11,00	100%	1.726.000	1,018	19.327.748
3	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi (Cọc số: 4)	m^2	9,48	100%	1.726.000	1,018	16.652.612
4	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi (Cọc số: 9)	m^2	11,28	100%	1.726.000	1,018	19.826.755
5	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (04 mộ) (Cọc số: 1,3,4,9)	mộ	4,00	100%	850.000	1,000	3.400.000
6	Mộ đất chiếc (viền xây đá chẻ vữa xi măng) (Cọc số: 5,6,8)	mộ	3,00	100%	5.100.000	1,000	15.300.000
7	Xây móng đá chẻ vữa xi măng viền mộ (Cọc số: 5,6,8)	m^3	0,16	100%	1.412.000	1,018	232.861
8	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (phía trên phủ bê tông xi măng) (Cọc số: 2)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
9	Bê tông xi măng nấm mộ (Cọc số: 2)	m^3	0,08	100%	5.692.000	1,018	454.865
10	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 7,10)	mộ	2,00	100%	5.100.000	1,000	10.200.000
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						**0**
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)						**105.851.616**

2. Ông Phạm Đây

a) Ông Phạm Đây; Địa chỉ: Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: không có.

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản: mồ mả.

Ông Phạm Đây có 01 ngôi mộ xây cọc số 11 mai táng > 3 năm trên thửa đất số 429, tờ bản đồ dự án số 1. Thời gian mai táng mồ mả của thân nhân có mồ mả bị ảnh hưởng bởi dự án được UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026.

d) Tài sản tính bồi thường:

Đối với mộ xây M05-3 (Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi) có diện tích ≥ 5m^2 mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 1.726.000 đồng/m^2 theo quy định tại Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi nhân với hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực là 1,018 đối với phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi cũ theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và được hỗ trợ di dời đến vị trí mới 850.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ xây cọc số 11: 9,05 m^2 x 1.726.000 đồng/m^2 x1,018 = 15.902.871 đồng.

+ Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (01 mộ: cọc số 11): 1 x 850.000 = 850.000 đồng.

đ) Các khoản hỗ trợ: không có.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 16.752.871 đồng.

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	**ĐẤT ĐAI**						**0**
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH**						**0**
C	**CÂY CỐI HOA MÀU**						**0**
D	**MỒ MẢ**						**16.752.871**

1	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi (Cọc số: 11)	m^2	9,05	100%	1.726.000	1,018	15.902.871
2	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (Cọc số: 11)	mộ	1,00	100%	850.000	1,000	850.000
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						**0**
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)						**16.752.871**

3. Ông Nguyễn Văn Phúc

a) Ông Nguyễn Văn Phúc; Địa chỉ: Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: không có.

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản: mồ mả.

Ông Nguyễn Văn Phúc có tổng cộng 06 ngôi mộ đất chiếc mai táng > 3 năm. Trong đó: có 05 mộ đất chiếc cọc số 12, 13, 14, 15, 16 (trên thửa đất số 429, tờ bản đồ dự án số 1); 01 mộ đất chiếc cọc số 17 (trên thửa đất số 421, tờ bản đồ dự án số 1). Thời gian mai táng mồ mả của thân nhân có mồ mả bị ảnh hưởng bởi dự án được UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026.

d) Tài sản tính bồi thường:

Đối với mộ đất chiếc mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 5.100.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ đất chiếc cọc số 12, 13, 14, 15, 16: 5 x 5.100.000 đồng/mộ =25.500.000 đồng.

+ Mộ đất chiếc cọc số 17: 1 x 5.100.000 đồng/mộ =5.100.000 đồng.

đ) Các khoản hỗ trợ: không có.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 30.600.000 đồng.

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	**ĐẤT ĐAI**						**0**
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH**						**0**
C	**CÂY CỐI HOA MÀU**						**0**

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
D	**MỒ MẢ**						**30.600.000**
1	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 12,13,14,15,16)	mộ	5,00	100%	5.100.000	1,000	25.500.000
2	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 17)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						**0**
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)						**30.600.000**

4. Ông Nguyễn Phúc

a) Ông Nguyễn Phúc; Địa chỉ: Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: không có.

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản: mồ mả.

Ông Nguyễn Phúc có 01 mộ đất chiếc cọc số 18 (trên thửa đất số 421, tờ bản đồ dự án số 1) mai táng > 3 năm. Thời gian mai táng mồ mả của thân nhân có mồ mả bị ảnh hưởng bởi dự án được UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026.

d) Tài sản tính bồi thường:

Đối với mộ đất chiếc mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 5.100.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ đất chiếc cọc số 18: 1 x 5.100.000 đồng/mộ =5.100.000 đồng.

đ) Các khoản hỗ trợ: không có.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 5.100.000 đồng.

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	**ĐẤT ĐAI**						**0**

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH**						**0**
C	**CÂY CỐI HOA MÀU**						**0**
D	**MỒ MẢ**						**5.100.000**
1	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 18)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						**0**
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)						**5.100.000**

5. Ông Trần Văn Dũng

a) Ông Trần Văn Dũng; Địa chỉ: Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: không có.

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản: mồ mả.

Ông Trần Văn Dũng có tổng cộng 03 ngôi mộ mai táng > 3 năm. Trong đó: có 01 mộ xây cọc số 19 (trên thửa đất số 429, tờ bản đồ dự án số 1); 02 mộ đất chiếc cọc số 20, 21 (trên thửa đất số 429, tờ bản đồ dự án số 1). Thời gian mai táng mồ mả của thân nhân có mồ mả bị ảnh hưởng bởi dự án được UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026.

d) Tài sản tính bồi thường:

- Đối với mộ xây M05-3 (Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi) có diện tích ≥ 5m^2 mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 1.726.000 đồng/m^2 theo quy định tại Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi nhân với hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực là 1,018 đối với phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi cũ theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và được hỗ trợ di dời đến vị trí mới 850.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ xây cọc số 19: 11,87 m^2 x 1.726.000 đồng/m^2 x1,018 = 20.856.397 đồng.

+ Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (01 mộ: cọc số 19): 1 x 850.000 = 850.000 đồng.

- Đối với mộ đất chiếc mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 5.100.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ đất chiếc (cọc số 20, 21): 2 x 5.100.000 đồng/mộ = 10.200.000 đồng.

đ) Các khoản hỗ trợ: không có.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 31.906.397 đồng.

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	**ĐẤT ĐAI**						**0**
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH**						**0**
C	**CÂY CỐI HOA MÀU**						**0**
D	**MỒ MẢ**						**31.906.397**
1	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 20,21)	mộ	2,00	100%	5.100.000	1,000	10.200.000
2	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi (Cọc số: 19)	m²	11,87	100%	1.726.000	1,018	20.856.397
3	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (Cọc số: 19)	mộ	1,00	100%	850.000	1,000	850.000
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						**0**
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)						**31.906.397**

6. Ông Nguyễn Chiến

a) Ông Nguyễn Chiến; Địa chỉ: Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: không có.

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản: mồ mả.

Ông Nguyễn Chiến có tổng cộng 04 ngôi mộ mai táng > 3 năm. Trong đó: có 03 mộ đất chiếc (phía trên phủ bê tông xi măng) cọc số 22, 23, 24 (trên thửa đất số 422, tờ bản đồ dự án số 1); 01 mộ đất chiếc cọc số 25 (trên thửa đất số 422, tờ bản đồ dự án số 1). Thời gian mai táng mồ mả của thân nhân có mồ mả bị ảnh hưởng bởi dự án được UBND phường Trương Quang

Trọng xác nhận tại Công văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026.

d) Tài sản tính bồi thường:

- Đối với mộ đất chiếc (phía trên nấm mộ phủ bê tông xi măng) mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 5.100.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; phần bê tông xi măng theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ đất chiếc (cọc số 22, 23, 24): 3 x 5.100.000 đồng/mộ =15.300.000 đồng.

+ Mộ đất chiếc (cọc số 25): 1 x 5.100.000 đồng/mộ =5.100.000 đồng.

+ Bê tông xi măng nấm mộ (cọc số 22, 23, 24): 0,34 x 5.692.000 đồngx1,018=1.965.016 đồng.

đ) Các khoản hỗ trợ: không có.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 22.365.016 đồng.

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	**ĐẤT ĐAI**						**0**
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH**						**0**
C	**CÂY CỐI HOA MÀU**						**0**
D	**MỒ MẢ**						**22.365.016**
1	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (phía trên phủ bê tông xi măng) (Cọc số: 22,23,24)	mộ	3,00	100%	5.100.000	1,000	15.300.000
2	Núm mộ bằng bê tông xi măng (Cọc số: 22,23,24)	m^3	0,34	100%	5.692.000	1,018	1.965.016
3	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 25)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						**0**
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)						**22.365.016**

7. Ông Phạm Văn Phú

a) Ông Phạm Văn Phú; Địa chỉ: Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: không có.

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản: mồ mả.

Ông Phạm Văn Phú có 01 ngôi mộ xây cọc số 26 mai táng > 3 năm trên thửa đất số 421, tờ bản đồ dự án số 1. Thời gian mai táng mồ mả của thân nhân có mồ mả bị ảnh hưởng bởi dự án được UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026.

d) Tài sản tính bồi thường:

Mộ xây M02-02 (Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; toàn bộ trát vữa xi măng; toàn bộ phần mộ ốp đá Granit) có diện tích ≥ 5m^2 mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 5.568.000 đồng/m^2 theo quy định tại Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi nhân với hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực là 1,018 đối với phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi cũ theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và được hỗ trợ di dời đến vị trí mới 850.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; phần xây tường rào lưới B40, nền bê tông xi măng theo quy định tại Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ xây cọc số 26: 9,9 m^2 x 5.568.000 đồng/m^2 x1,018 = 56.115.418 đồng.

+ Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (cọc số 26): 1 x 850.000 = 850.000 đồng.

Ngoài ra, mộ xây cọc số 26 (Phần mái che mộ; tường rào, nền bê tông xung quanh mộ không nằm trong phân cấp mộ) được tính theo quy định tại Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi nhân với hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực là 1,018 đối với phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi cũ theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Trụ bê tông cốt thép đỗ tại chỗ đỡ mái mộ (Cọc số: 26): 0,22 m^3 x 7.323.000 đồng/m^3 x1,018 = 1.610.240 đồng.

+ Ốp đá granit vào trụ đỡ mái mộ (Cọc số: 26): 6,05 m^2 x 1.160.000 đồng/m^2 x1,018 = 7.141.962 đồng.

+ Dầm, sàn mái bê tông cốt thép đỗ tại chỗ mái mộ (Cọc số: 26): 1,19 m^3 x 7.323.000 đồng/m^3 x1,018 = 8.904.626 đồng.

+ Ốp gạch gạch Ceramic vào dầm, sàn mái mộ (Cọc số: 26): 11,08 m^2 x 378.000 đồng/m^2 x1,018 = 4.262.089 đồng.

+ Mái ngói mộ (Cọc số: 26): 9,51 m^2 x 397.000 đồng/m^2 x1,018 = 3.841.537 đồng.

+ Nền bê tông, mặt láng xi măng xung quanh mộ (Cọc số: 26): 6,6 m^2 x 257.000 đồng/m^2 x1,018 = 1.726.732 đồng.

+ TR6: Tường rào cột bê tông cốt thép lắp ghép, tường lưới B40 xung quanh mộ (Cọc số: 26): 20,52 m^2 x 216.000 đồng/m^2 x1,018 = 4.512.102 đồng.

đ) Các khoản hỗ trợ: không có.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 88.964.705 đồng.

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	**ĐẤT ĐAI**						**0**
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH**						**0**
C	**CÂY CỐI HOA MÀU**						**0**
D	**MỒ MẢ**						**88.964.705**
1	Mộ xây M02-02: Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; toàn bộ trát vữa xi măng; toàn bộ phần mộ ốp đá Granit (Cọc số: 26)	m^2	9,90	100%	5.568.000	1,018	56.115.418
2	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (Cọc số: 26)	mộ	1,00	100%	850.000	1,000	850.000
3	Trụ bê tông cốt thép đỗ tại chỗ đỡ mái mộ (Cọc số: 26)	m^3	0,22	100%	7.323.000	1,018	1.610.240
4	Ốp đá granit vào trụ đỡ mái mộ (Cọc số: 26)	m^2	6,05	100%	1.160.000	1,018	7.141.962
5	Dầm, sàn mái bê tông cốt thép đỗ tại chỗ mái mộ (Cọc số: 26)	m^3	1,19	100%	7.323.000	1,018	8.904.626
6	Ốp gạch gạch Ceramic vào dầm, sàn mái mộ (Cọc số: 26)	m^2	11,08	100%	378.000	1,018	4.262.089
7	Mái ngói mộ (Cọc số: 26)	m^2	9,51	100%	397.000	1,018	3.841.537
8	Nền bê tông, mặt láng xi măng xung quanh mộ (Cọc số: 26)	m^2	6,60	100%	257.000	1,018	1.726.732
9	TR6: Tường rào cột bê tông cốt thép lắp ghép, tường lưới B40 xung quanh mộ (Cọc số: 26)	m^2	20,52	100%	216.000	1,018	4.512.102
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						**0**
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)						**88.964.705**

8. Ông Nguyễn Cứ

a) Ông Nguyễn Cứ; Địa chỉ: Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: không có.

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản: mồ mả.

Ông Nguyễn Cứ có tổng cộng 07 mộ đất chiếc cọc số 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 (trên thửa đất số 462, tờ bản đồ dự án số 1) mai táng > 3 năm. Thời gian mai táng mồ mả của thân nhân có mồ mả bị ảnh hưởng bởi dự án được UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026.

d) Tài sản tính bồi thường:

Đối với mộ đất chiếc mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 5.100.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ đất chiếc cọc số 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34: 7 x 5.100.000 đồng/mộ =35.700.000 đồng.

đ) Các khoản hỗ trợ: không có.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 35.700.000 đồng.

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	**ĐẤT ĐAI**						**0**
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH**						**0**
C	**CÂY CỐI HOA MÀU**						**0**
D	**MỒ MẢ**						**35.700.000**
1	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 28,29,30,31,32,33,34)	mộ	7,00	100%	5.100.000	1,000	35.700.000
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						**0**
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)						**35.700.000**

9. Ông Lý Trang

a) Ông Nguyễn Cứ; Địa chỉ: Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: không có.

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản: mồ mả.

Ông Nguyễn Cứ có 01 mộ đất chiếc cọc số 35 (trên thửa đất số 491, tờ bản đồ dự án số 1) mai táng > 3 năm. Thời gian mai táng mồ mả của thân nhân có mồ mả bị ảnh hưởng bởi dự án được UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công văn

số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026.

d) Tài sản tính bồi thường:

Đối với mộ đất chiếc mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 5.100.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ đất chiếc cọc số 35: 1 x 5.100.000 đồng/mộ =5.100.000 đồng.

đ) Các khoản hỗ trợ: không có.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 5.100.000 đồng.

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	**ĐẤT ĐAI**						**0**
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH**						**0**
C	**CÂY CỐI HOA MÀU**						**0**
D	**MỒ MẢ**						**5.100.000**
1	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 35)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						**0**
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)						**5.100.000**

10. Ông Phạm Tô Ninh

a) Ông Phạm Tô Ninh; Địa chỉ: Thôn Gia Hòa, xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: không có.

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản: mồ mả.

Ông Phạm Tô Ninh có 01 ngôi mộ xây cọc số 36 mai táng > 3 năm trên thửa đất số 479, tờ bản đồ dự án số 1. Thời gian mai táng mồ mả của thân nhân có mồ mả bị ảnh hưởng bởi dự án được UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026.

d) Tài sản tính bồi thường:

Mộ xây M04 (Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền láng xi măng; nhà mồ, phần thân mộ quét vôi) có diện tích ≥ 5m^2 mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 2.652.000 đồng/m^2 theo quy định tại

Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi nhân với hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực là 1,018 đối với phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi cũ theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và được hỗ trợ di dời đến vị trí mới 850.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ xây cọc số 36: 9,66 m^2 x 2.652.000 đồng/m^2 x1,018 = 26.071.351 đồng.

+ Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (01 mộ: cọc số 36): 1 x 850.000 = 850.000 đồng.

đ) Các khoản hỗ trợ: không có.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 26.921.351 đồng.

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	**ĐẤT ĐAI**						**0**
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH**						**0**
C	**CÂY CỐI HOA MÀU**						**0**
D	**MỒ MẢ**						**26.921.351**
1	Mộ xây M04: Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền láng xi măng; nhà mồ, phần thân mộ quét vôi (Cọc số: 36)	m^2	9,66	100%	2.652.000	1,018	26.071.351
2	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (Cọc số: 36)	mộ	1,00	100%	850.000	1,000	850.000
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						**0**
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)						**26.921.351**

11. Ông Trần Hữu Khoa

a) Ông Trần Hữu Khoa; Địa chỉ: Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: không có.

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản: mồ mả.

Ông Trần Hữu Khoa có 01 mộ đất chiếc cọc số 39 (trên thửa đất số 472, tờ bản đồ dự án số 1) mai táng > 3 năm. Thời gian mai táng mồ mả của thân nhân có mồ mả bị ảnh hưởng bởi dự án được UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công

văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026.

d) Tài sản tính bồi thường:

Đối với mộ đất chiếc mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 5.100.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ đất chiếc cọc số 39: 1 x 5.100.000 đồng/mộ =5.100.000 đồng.

đ) Các khoản hỗ trợ: không có.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 5.100.000 đồng.

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	**ĐẤT ĐAI**						**0**
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH**						**0**
C	**CÂY CỐI HOA MÀU**						**0**
D	**MỒ MẢ**						**5.100.000**
1	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 39)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						**0**
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)						**5.100.000**

12. Ông Nguyễn Giám

a) Ông Nguyễn Giám; Địa chỉ: Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: không có.

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản: mồ mả.

Ông Nguyễn Giám có 02 ngôi mộ xây cọc số 49, 50 mai táng > 3 năm trên thửa đất số 391, tờ bản đồ dự án số 1. Thời gian mai táng mồ mả của thân nhân có mồ mả bị ảnh hưởng bởi dự án được UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026.

d) Tài sản tính bồi thường:

Mộ xây M02-01 (Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; toàn bộ trát vữa xi măng; toàn bộ phần mộ trát đá mài) có diện tích ≥ 5m^2 mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 3.800.000 đồng/m^2 theo quy định tại Quyết định số

37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi nhân với hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực là 1,018 đối với phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi cũ theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và được hỗ trợ di dời đến vị trí mới 850.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ xây cọc số 49: 11,58 m^2 x 3.800.000 đồng/m^2 x1,018 = 44.790.269 đồng.

+ Mộ xây cọc số 50: 7,40 m^2 x 3.800.000 đồng/m^2 x1,018 = 28.608.365 đồng.

+ Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (02 mộ: cọc số 49, 50): 2 x 850.000 = 1.700.000 đồng.

đ) Các khoản hỗ trợ: không có.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 75.098.635 đồng.

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	**ĐẤT ĐAI**						**0**
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH**						**0**
C	**CÂY CỐI HOA MÀU**						**0**
D	**MỒ MẢ**						**75.098.635**
1	Mộ xây M02-01: Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; toàn bộ trát vữa xi măng; toàn bộ phần mộ trát đá mài (Cọc số: 49)	m^2	11,58	100%	3.800.000	1,018	44.790.269
2	Mộ xây M02-01: Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; toàn bộ trát vữa xi măng; toàn bộ phần mộ trát đá mài (Cọc số: 50)	m^2	7,40	100%	3.800.000	1,018	28.608.365
3	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (Cọc số: 49, 50)	mộ	2,00	100%	850.000	1,000	1.700.000
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						**0**
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)						**75.098.635**

13. UBND phường Trương Quang Trọng

a) UBND phường Trương Quang Trọng; Địa chỉ: Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: Diện tích thu hồi 1.943,8 m²/18 thửa đất thuộc các tờ bản đồ địa chính số 93, 106 phường Trương Quang Trọng *(trong đó: Đất nghĩa địa (NTD): 797,9 m²; Đất giao thông (DGT): 908,3 m²; Đất thủy lợi (DTL): 237,6 m²)*. Nguồn gốc đất do UBND phường Trương Quang Trọng quản lý (UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công văn số 708/UBND-PKTHTĐT ngày 29/4/2026). Cụ thể như sau:

- Thửa đất số 391, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 100,0 m², loại đất NTD. Nguồn gốc đất:

+ Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 1366, tờ bản đồ số 6, diện tích 128,0 m2, loại đất N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 163; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 40, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 391 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 126,9 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 412, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 7,1 m², loại đất NTD. Nguồn gốc đất:

+ Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất không ghi số thửa, diện tích, loại đất, liền kề các thửa đất số 200, 1322 và 1351 tờ bản đồ số 6.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 412 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 86,4 m2, loại đất NTD. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 421, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 70,4 m², loại đất NTD. Nguồn gốc đất:

+ Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc 01 phần thửa đất số 248, tờ bản đồ số 6, diện tích 790,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 421 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 112,9 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 422, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 81,2 m², loại đất NTD. Nguồn gốc đất:

+ Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc 01 phần thửa đất số 248, tờ bản đồ số 6, diện tích 790,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 422 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 81,2 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là

phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 429, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 279,4 m^2, loại đất NTD. Nguồn gốc đất:

+ Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 248, tờ bản đồ số 6, diện tích 790,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 429 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 279,4 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 462, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 147,6 m^2, loại đất NTD. Nguồn gốc đất:

+ Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 311, tờ bản đồ số 6, diện tích 495,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 462 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 147,6 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 472, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 15,0 m^2, loại đất NTD. Nguồn gốc đất:

+ Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 270, tờ bản đồ số 6, diện tích 775,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 472 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 15,0 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 475, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 40,9 m^2, loại đất NTD. Nguồn gốc đất:

+ Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 311, tờ bản đồ số 6, diện tích 495,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 475 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 40,9 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 100, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 477, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 11,2 m^2, loại đất NTD. Nguồn gốc đất:

+ Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 311, tờ bản đồ số 6, diện tích 495,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 477 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 11,2 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 479, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 9,7 m^2, loại đất NTD. Nguồn gốc đất:

+ Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 311, tờ bản đồ số 6, diện tích 495,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 479 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 9,7 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 491, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 16,3 m^2, loại đất NTD. Nguồn gốc đất:

+ Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 270, tờ bản đồ số 6, diện tích 775,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 491 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 16,3 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 1349, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 0,5 m^2, loại đất NTD. Nguồn gốc đất: Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 1349 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 59,9 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 119, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 180, tờ bản đồ địa chính số 106, diện tích thu hồi 18,6 m^2, loại đất NTD. Nguồn gốc đất: Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thuộc thửa đất số 180 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 18,6 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 13, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 470, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 56,7 m^2, loại đất DGT. Nguồn gốc đất:

+ Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 306, tờ bản đồ số 6, diện tích 8168,0 m2, loại

đất: Hg; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng.

+ Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 470 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 74,2 m2, loại đất DGT; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 573, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 587,1 m^2, loại đất DGT. Nguồn gốc đất: Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 573, tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng) diện tích 776,9 m2, loại đất DGT. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 102, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 54, tờ bản đồ địa chính số 106, diện tích thu hồi 160,0 m^2, loại đất DGT. Nguồn gốc đất: Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng) diện tích 11,991,5 m2, loại đất DGT. Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 8, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 255, tờ bản đồ địa chính số 106, diện tích thu hồi 104,5 m^2, loại đất DGT. Nguồn gốc đất: Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 255 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 131 m2, loại đất DGT. Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 15, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

- Thửa đất số 484, tờ bản đồ địa chính số 93, diện tích thu hồi 237,6 m^2, loại đất DTL. Nguồn gốc đất: Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 484 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 355,6 m2, loại đất DTL. Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.

Đối với 18 thửa đất nêu trên có nguồn gốc đất do UBND phường Trương Quang Trọng quản lý (được UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công văn số 708/UBND-PKTHTĐT ngày 29/4/2026). Đối chiếu theo quy định tại Điều 101, Điều 217 Luật Đất đai năm 2024, điểm b khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội thì các trường hợp này không được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất.

c) Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản: mồ mả chưa xác định được thân nhân.

Ngày 31/3/2026, Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi có Thông báo số 76/TB-UBND về việc niêm yết, công khai sơ đồ mộ chí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Đông Thiên

Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua phường Trương Quang Trọng.

Theo đó, Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi đã phối hợp với các thành phần liên quan tổ chức niêm yết công khai Thông báo trên *(kèm theo Sơ đồ mộ chí)* từ ngày 31/3/2026 và kết thúc vào ngày 15/4/2026.

Theo đó, với tổng số lượng 51 mộ (gồm 39 mộ đất, 12 mộ xây) được xác lập sơ đồ mộ chí và niêm yết công khai thì đến thời điểm kết thúc niêm yết công khai chỉ có 39 mộ có thân nhân kê khai; còn lại 12 mộ (trong đó có 01 mộ xây) chưa có thân nhân kê khai. Vì vậy, để kịp thời đẩy nhanh tiến độ GPMB thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo kết luận số 182/TB-UBND ngày 03/3/2026, các thành phần thống nhất đối với 12 mồ mả đến thời điểm hiện nay chưa có thân nhân kê khai thì tạm chuyển về xác lập hồ sơ kiểm kê đứng tên UBND phường Trương Quang Trọng để lập phương án bồi thường trình phê duyệt (Biên bản ngày 15/4/2026). Sau khi phương án bồi thường được UBND phường phê duyệt, sẽ công khai theo quy định, trong quá trình thực hiện phương án duyệt, nếu có thân nhân đến khai nhận thì Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi sẽ có trách nhiệm xác lập các thủ tục với thân nhân đó, có sự chứng kiến của các bên liên quan để làm cơ sở chuyển kinh phí bồi thường mộ, bàn giao sơ đồ cọc mộ cho thân nhân có mộ tiến hành di dời theo đúng quy định và cam kết không yêu cầu, khiếu nại.

Trong phương án bồi thường đợt 1 có 50 mộ (trong đó: có 11 mộ xây và 39 mộ đất), trong đó có 12 mộ (01 mộ xây và 11 mộ đất) chưa có thân nhân kê khai.

Các mồ mả có trên đất do UBND phường Trương Quang Trọng quản lý chưa xác định được thân nhân có tổng cộng 12 ngôi mộ mai táng > 3 năm. Trong đó: có 01 mộ xây cọc số 27 (trên thửa đất số 462, tờ bản đồ dự án số 1), 01 mộ đất chiếc cọc số 37 (trên thửa đất số 477, tờ bản đồ dự án số 1), 01 mộ đất chiếc cọc số 38 (trên thửa đất số 475, tờ bản đồ dự án số 1), 01 mộ đất chiếc cọc số 40 (trên thửa đất số 180, tờ bản đồ dự án số 1), 01 mộ đất chiếc cọc số 41 (trên thửa đất số 421, tờ bản đồ dự án số 1), 01 mộ đất chiếc cọc số 42 (trên thửa đất số 421, tờ bản đồ dự án số 1), 01 mộ đất chiếc cọc số 43 (trên thửa đất số 421, tờ bản đồ dự án số 1), 01 mộ đất chiếc cọc số 44 (trên thửa đất số 421, tờ bản đồ dự án số 1), 01 mộ đất chiếc cọc số 45 (trên thửa đất số 422, tờ bản đồ dự án số 1), 01 mộ đất chiếc cọc số 46 (trên thửa đất số 412, tờ bản đồ dự án số 1), 01 mộ đất chiếc cọc số 47 (trên thửa đất số 412, tờ bản đồ dự án số 1), 01 mộ đất chiếc cọc số 48 (trên thửa đất số 391. Thời gian mai táng mồ mả của thân nhân có mồ mả bị ảnh hưởng bởi dự án được UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận tại Công văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026.

d) Tài sản tính bồi thường:

- Đối với mộ xây M05-3 (Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ,

tường quét vôi) có diện tích ≥ 5m^2 mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 1.726.000 đồng/m^2 theo quy định tại Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi nhân với hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực là 1,018 đối với phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi cũ theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và được hỗ trợ di dời đến vị trí mới 850.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ xây cọc số 27: 12,29 m^2 x 1.726.000 đồng/m^2 x1,018 = 21.590.149 đồng.

+ Bờ kè xây móng đá chẻ vữa xi măng xung quanh mộ (cọc số 27): 2,40 x1.412.000 đồngx1,018= 3.449.798 đồng.

- Đối với mộ đất chiếc (viền xây đá chẻ vữa xi măng, hoặc phía trên nấm mộ phủ bê tông xi măng) mai táng từ 3 năm trở lên đơn giá bồi thường được tính 5.100.000 đồng/mộ theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 8 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Mộ đất chiếc (cọc số 37): 1 x 5.100.000 đồng/mộ = 5.100.000 đồng.
+ Mộ đất chiếc (cọc số 38): 1 x 5.100.000 đồng/mộ = 5.100.000 đồng.
+ Mộ đất chiếc (cọc số 40): 1 x 5.100.000 đồng/mộ = 5.100.000 đồng.
+ Mộ đất chiếc (cọc số 41): 1 x 5.100.000 đồng/mộ = 5.100.000 đồng.
+ Mộ đất chiếc (cọc số 42): 1 x 5.100.000 đồng/mộ = 5.100.000 đồng.
+ Mộ đất chiếc (cọc số 43): 1 x 5.100.000 đồng/mộ = 5.100.000 đồng.
+ Mộ đất chiếc (cọc số 44): 1 x 5.100.000 đồng/mộ = 5.100.000 đồng.
+ Mộ đất chiếc (cọc số 45): 1 x 5.100.000 đồng/mộ = 5.100.000 đồng.
+ Mộ đất chiếc (cọc số 46): 1 x 5.100.000 đồng/mộ = 5.100.000 đồng.
+ Mộ đất chiếc (cọc số 47): 1 x 5.100.000 đồng/mộ = 5.100.000 đồng.
+ Mộ đất chiếc (cọc số 48): 1 x 5.100.000 đồng/mộ = 5.100.000 đồng.

đ) Các khoản hỗ trợ: không có.

e) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 81.989.947 đồng.

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	**ĐẤT ĐAI**						**0**

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH**						**0**
C	**CÂY CỐI HOA MÀU**						**0**
D	**MỒ MẢ**						**81.989.947**
1	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi (Cọc số: 27)	m^2	12,29	100%	1.726.000	1,018	21.590.149
2	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (Cọc số: 27)	mộ	1,00	100%	850.000	1,000	850.000
3	Bờ kè xây móng đá chẻ vữa xi măng quanh mộ (Cọc số: 27)	m^3	2,40	100%	1.412.000	1,018	3.449.798
4	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 37)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
5	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 38)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
6	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 40)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
7	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 41)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
8	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 42)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
9	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 43)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
10	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số 44)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
11	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 45)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
12	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 46)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
13	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 47)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
14	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (Cọc số: 48)	mộ	1,00	100%	5.100.000	1,000	5.100.000
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						**0**
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)						**81.989.947**

PHẦN III
TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN CHO TỪNG CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT, SỞ HỮU TÀI SẢN

A. Xác định mức bồi thường đất đai, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ cho từng chủ sử dụng đất :

(Như biểu số 9, 10, 11 kèm theo phương án này).

B. Xác định mức bồi thường, hỗ trợ toàn bộ cho từng chủ sử dụng đất bị thu hồi:

(Như Biểu số 14 kèm theo phương án này).

PHẦN IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Sau khi phương án bồi thường được UBND phường Trương Quang Trọng phê duyệt, Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi phối hợp cùng với UBND phường Trương Quang Trọng tiến hành công khai Quyết định phê duyệt và phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

- Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi phối hợp cùng UBND phường Trương Quang Trọng tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng bởi dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, địa điểm: Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian thực hiện theo quy định pháp luật kể từ ngày có Quyết định phê duyệt.

BAN QLDA ĐTXD
CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP	TỔ TRƯỞNG TỔ CÔNG TÁC GPMB	NGƯỜI KIỂM TRA TRƯỞNG PHÒNG	
Nguyễn Quang Vinh	Trương Quang Hoàng Vũ	Hoàng Minh Thiện	Đỗ Vũ Bảo

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH QUẢNG NGÃI

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, CHI PHÍ PHỤC VỤ BỒI THƯỜNG, CHI PHÍ THẨM ĐỊNH VÀ DỰ PHÒNG CHI

Công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi

Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi

Phần I: Mức bồi thường, hỗ trợ *Biểu 09*

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực	Thành tiền (đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8= 4*5*6*7*
A	**ĐẤT ĐAI**						-
B	**NHÀ, CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ ĐỜI SỐNG, SẢN XUẤT VÀ CÔNG TRÌNH KHÁC**						-
C	**MỒ MẢ**						**531.450.538**
1	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi	m²	73,71	100%	1.726.000	1,018	129.513.307
2	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (04 mộ)	mộ	4,00	100%	850.000	1,000	3.400.000
3	Mộ đất chiếc (viền xây đá chẻ vữa xi măng)	mộ	3,00	100%	5.100.000	1,000	15.300.000
4	Xây móng đá chẻ vữa xi măng viền mộ	m3	0,16	100%	1.412.000	1,018	232.861
5	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (phía trên phủ bê tông xi măng)	mộ	4,00	100%	5.100.000	1,000	20.400.000
6	Bê tông xi măng nấm mộ	m3	0,42	100%	5.692.000	1,018	2.419.881
7	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	mộ	32,00	100%	5.100.000	1,000	163.200.000
8	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm	mộ	7,00	100%	850.000	1,000	5.950.000
9	Mộ xây M02-02: Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; toàn bộ trát vữa xi măng; toàn bộ phần mộ ốp đá Granit	m²	9,90	100%	5.568.000	1,018	56.115.418
10	Trụ bê tông cốt thép đỗ tại chỗ đỡ mái mộ	m3	0,22	100%	7.323.000	1,018	1.610.240
11	Ốp đá granit vào trụ đỡ mái mộ	m²	6,05	100%	1.160.000	1,018	7.141.962
12	Dầm, sàn mái bê tông cốt thép đỗ tại chỗ mái mộ	m3	1,19	100%	7.323.000	1,018	8.904.626
13	Ốp gạch gạch Ceramic vào dầm, sàn mái mộ	m²	11,08	100%	378.000	1,018	4.262.089
14	Mái ngói mộ	m²	9,51	100%	397.000	1,018	3.841.537
15	Nền bê tông, mặt láng xi măng xung quanh mộ	m²	6,60	100%	257.000	1,018	1.726.732
16	TR6: Tường rào cột bê tông cốt thép lắp ghép, tường lưới B40 xung quanh mộ	m²	20,52	100%	216.000	1,018	4.512.102

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Bồi thường (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực	Thành tiền (đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8= 4*5*6*7*
17	Mộ xây M04: Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền láng xi măng; nhà mồ, phần thân mộ quét vôi	m^3	9,66	100%	2.652.000	1,018	26.071.351
18	Mộ xây M02-01: Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; toàn bộ trát vữa xi măng; toàn bộ phần mộ trát đá mài	m^2	11,58	100%	3.800.000	1,018	44.790.269
19	Mộ xây M02-01: Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; toàn bộ trát vữa xi măng; toàn bộ phần mộ trát đá mài	m^2	7,40	100%	3.800.000	1,018	28.608.365
20	Bờ kè xây móng đá chẻ vữa xi măng quanh mộ	m3	2,40	100%	1.412.000	1,018	3.449.798
D	**CÂY CỐI, HOA MÀU**						-
E	**CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**						-
	TỔNG CỘNG PHẦN I = (A+B+C+D+E):						**531.450.538**

Phần II: Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác (tạm tính): 37.732.988

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và TĐC (phần I + phần II): 569.183.526

Làm tròn: 569.184.000

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI LẬP	TỔ TRƯỞNG TỔ CÔNG TÁC GPMB	NGƯỜI KIỂM TRA TRƯỞNG PHÒNG	BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Vinh	Trương Quang Hoàng Vũ	Hoàng Minh Thiện	Đỗ Vũ Bảo

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH QUẢNG NGÃI

BẢNG TÍNH CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT CỦA TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa-

Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi

Biểu 10

STT	Họ và tên	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng							Diện tích thu hồi trong quy hoạch (m2)	Diện tích thu hồi ngoài quy hoạch (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích bồi thường (m2)	Loại đất bồi thường	Vị trí	Giá trị bồi thường (đồng)
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch khu TĐC Đông Thiên Ấn (m2)	Diện tích quy hoạch đường HS-DS (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	UBND phường Trương Quang Trọng														**0**
		1	391	126,9	100,0		26,9	NTD	100,0	0,0	100,0	0,0	NTD	VT3	0
		1	412	86,4	7,1		79,3	NTD	7,1	0,0	7,1	0,0	NTD	VT3	0
		1	421	112,9	70,4		42,5	NTD	70,4	0,0	70,4	0,0	NTD	VT3	0
		1	422	81,2	81,2		0,0	NTD	81,2	0,0	81,2	0,0	NTD	VT3	0
		1	429	279,4	279,4		0,0	NTD	279,4	0,0	279,4	0,0	NTD	VT3	0
		1	462	147,6	147,6		0,0	NTD	147,6	0,0	147,6	0,0	NTD	VT3	0
		1	472	15,0	15,0		0,0	NTD	15,0	0,0	15,0	0,0	NTD	VT3	0
		1	475	40,9	40,9		0,0	NTD	40,9	0,0	40,9	0,0	NTD	VT3	0
		1	477	11,2	11,2		0,0	NTD	11,2	0,0	11,2	0,0	NTD	VT3	0
		1	479	9,7	9,7		0,0	NTD	9,7	0,0	9,7	0,0	NTD	VT3	0
		1	491	16,3	16,3		0,0	NTD	16,3	0,0	16,3	0,0	NTD	VT3	0
		1	1349	59,9	0,5		59,4	NTD	0,5	0,0	0,5	0,0	NTD	VT3	0
		1	180	18,6	18,6		0,0	NTD	18,6	0,0	18,6	0,0	NTD	VT3	0
		1	484	355,6	237,6		118,0	DTL	237,6	0,0	237,6	0,0	DTL	VT3	0
		1	470	74,2	56,7	17,5	0,0	DGT	56,7	0,0	56,7	0,0	DGT	VT3	0
		1	573	776,9	587,1		189,8	DGT	587,1	0,0	587,1	0,0	DGT	VT3	0
		1	54	237,4	160,0		77,4	DGT	160,0	0,0	160,0	0,0	DGT	VT3	0

STT	Họ và tên	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng							Diện tích thu hồi trong quy hoạch (m2)	Diện tích thu hồi ngoài quy hoạch (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích bồi thường (m2)	Loại đất bồi thường	Vị trí	Giá trị bồi thường (đồng)
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch khu TĐC Đông Thiên Ấn (m2)	Diện tích quy hoạch đường HS-DS (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
		1	255	113,1	104,5		8,6	DGT	104,5	0,0	104,5	0,0	DGT	VT3	0
	Tổng		**18**	**2.563,2**	**1.943,8**	**17,5**	**601,9**		**1.943,8**	**0,0**	**1.943,8**	**0,0**			**0**

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI LẬP	TỔ TRƯỞNG TỔ CÔNG TÁC GPMB	NGƯỜI KIỂM TRA TRƯỞNG PHÒNG	BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Vinh	Trương Quang Hoàng Vũ	Hoàng Minh Thiện	Đỗ Vũ Bảo

BẢNG TÍNH CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ, CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ ĐỜI SỐNG SẢN XUẤT, CÔNG TRÌNH KHÁC VÀ MỒ MẢ CỦA TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi

Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi

Biểu 11

TT	Họ tên chủ hộ	Tờ bản đồ	Số thửa	Mồ mả									Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
				Chủng loại	Năm mai táng/năm xây dựng	ĐVT	Khối lượng chi tiết		Đơn giá (đồng)	Bồi thường(%)	Hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực	Thành tiền (đồng)		
							Cách tính	Khối lượng						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(9)*(10)*(11)*(12)*	*(14)=(13)*	*(15)*
1	Bà Nguyễn Thị Mai Liên											**105.851.616**	**105.851.616**	
		1	429	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi	Trên 3 năm	m²	3,8*2,3	8,74	1.726.000	100%	1,018	15.356.774		*Cọc số: 1*
		1	429	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi	Trên 3 năm	m²	4,4*2,5	11,00	1.726.000	100%	1,018	19.327.748		*Cọc số: 3*
		1	429	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi	Trên 3 năm	m²	4,25*2,23	9,48	1.726.000	100%	1,018	16.652.612		*Cọc số: 4*
		1	429	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi	Trên 3 năm	m²	4,55*2,48	11,28	1.726.000	100%	1,018	19.826.755		*Cọc số: 9*
		1	429	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm (04 mộ)	Trên 3 năm	mộ	4,00	4,00	850.000	100%	1,000	3.400.000		*Cọc số: 1,3,4,9*
		1	429	Mộ đất chiếc (viền xây đá chẻ vữa xi măng)	Trên 3 năm	mộ	3,00	3,00	5.100.000	100%	1,000	15.300.000		*Cọc số: 5,6,8*
		1	429	Xây móng đá chẻ vữa xi măng viền mộ	2003	m^3	(1,4*1,3-1,1*1)*0,15*0,5*3	0,16	1.412.000	100%	1,018	232.861		*Cọc số: 5,6,8*
		1	429	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (phía trên phủ bê tông xi măng)	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 2*
		1	429	Bê tông xi măng nấm mộ	2003	m^3	3,14*0,5*0,5*0,1*1	0,08	5.692.000	100%	1,018	454.865		*Cọc số: 2*
2	Ông Phạm Đầy	1	429	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	2,00	2,00	5.100.000	100%	1,000	10.200.000		*Cọc số: 7,10*
												16.752.871	**16.752.871**	
		1	429	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi	Trên 3 năm	m²	3,74*2,42	9,05	1.726.000	100%	1,018	15.902.871		*Cọc số: 11*
		1	429	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	850.000	100%	1,000	850.000		*Cọc số: 11*
3	Ông Nguyễn Văn Phúc											**30.600.000**	**30.600.000**	
		1	429	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	5,00	5,00	5.100.000	100%	1,000	25.500.000		*Cọc số: 12,13,14,15,16*
		1	421	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 17*
4	Ông Nguyễn Phúc											**5.100.000**	**5.100.000**	
		1	429	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 18*
5	Ông Trần Văn Dũng											**31.906.397**	**31.906.397**	
		1	429	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	2,00	2,00	5.100.000	100%	1,000	10.200.000		*Cọc số: 20,21*
		1	429	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi	Trên 3 năm	m²	11,87	11,87	1.726.000	100%	1,018	20.856.397		*Cọc số: 19*
		1	429	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	850.000	100%	1,000	850.000		*Cọc số: 19*
6	Ông Nguyễn Chiến											**22.365.016**	**22.365.016**	

TT	Họ tên chủ hộ	Tờ bản đồ	Số thửa	Mồ mả					Đơn giá (đồng)	Bồi thường(%)	Hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực	Thành tiền (đồng)	Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
				Chủng loại	Năm mai táng/năm xây dựng	ĐVT	Khối lượng chi tiết							
							Cách tính	Khối lượng						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(9)*(10)*(11)*(12)	(14)=(13)	(15)
		1	422	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm (phía trên phủ bê tông xi măng)	Trên 3 năm	mộ	3,00	3,00	5.100.000	100%	1,000	15.300.000		*Cọc số: 22,23,24*
		1	422	Bê tông xi măng nấm mộ	2003	m^3	(3,14*0,6*0,6*0,1)*3	0,34	5.692.000	100%	1,018	1.965.016		*Cọc số: 22,23,24*
		1	422	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 25*
7	Ông Phạm Văn Phú											**88.964.705**	**88.964.705**	
				Phần mộ								**56.965.418**		*Cọc số: 26*
		1	421	Mộ xây M02-02: Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; toàn bộ trát vữa xi măng; toàn bộ phần mộ ốp đá Granit	Trên 3 năm	m^2	4,5*2,2	9,90	5.568.000	100%	1,018	56.115.418		*Cọc số: 26*
		1	421	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	850.000	100%	1,000	850.000		*Cọc số: 26*
				Phần mái che mộ; tường rào, nền bê tông xung quanh mộ								**31.999.288**		*Cọc số: 26*
		1	421	Trụ bê tông cốt thép đỗ tại chỗ đỡ mái mộ		m^3	(0,2*0,2*0,9)*6	0,22	7.323.000	100%	1,018	1.610.240		*Cọc số: 26*
		1	421	Ốp đá granit vào trụ đỡ mái mộ		m^2	(0,28*0,9*4)*6	6,05	1.160.000	100%	1,018	7.141.962		*Cọc số: 26*
		1	421	Dầm, sàn mái bê tông cốt thép đỗ tại chỗ mái mộ		m^3	0,2*0,3*(3,97+1,7)*2+(4,18-0,2*2)*(2,1-0,2*2)*0,08	1,19	7.323.000	100%	1,018	8.904.626		*Cọc số: 26*
		1	421	Ốp gạch gạch Ceramic vào dầm, sàn mái mộ		m^2	3,25*1,14+(0,2+0,25+0,2)*(3,97*2+1,7*2)	11,08	378.000	100%	1,018	4.262.089		*Cọc số: 26*
		1	421	Mái ngói mộ		m^2	1,137*4,18*2	9,51	397.000	100%	1,018	3.841.537		*Cọc số: 26*
		1	421	Nền bê tông, mặt láng xi măng xung quanh mộ		m^2	(3,4+2,6)*5,5/2-4,5*2,2	6,60	257.000	100%	1,018	1.726.732		*Cọc số: 26*
		1	421	TR6: Tường rào cột bê tông cốt thép lắp ghép, tường lưới B40 xung quanh mộ		m^2	(5,6+3,4+5,5+2,6)*1,2	20,52	216.000	100%	1,018	4.512.102		*Cọc số: 26*
8	Ông Nguyễn Cử											**35.700.000**	**35.700.000**	
		1	462	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	7,00	7,00	5.100.000	100%	1,000	35.700.000		*Cọc số: 28,29,30,31,32,33,34*
9	Ông Lý Trang											**5.100.000**	**5.100.000**	
		1	491	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 35*
10	Ông Phạm Tô Ninh											**26.921.351**	**26.921.351**	
		1	479	Mộ xây M04: Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền láng xi măng; nhà mồ, phần thân mộ quét vôi	Trên 3 năm	m^2	4,35*2,22	9,66	2.652.000	100%	1,018	26.071.351		*Cọc số: 36*
		1	479	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	850.000	100%	1,000	850.000		*Cọc số: 36*
11	Ông Trần Hữu Khoa											**5.100.000**	**5.100.000**	
		1	472	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 39*
12	Ông Nguyễn Giám											**75.098.635**	**75.098.635**	
		1	391	Mộ xây M02-01: Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; toàn bộ trát vữa xi măng; toàn bộ phần mộ trát đá mài	Trên 3 năm	m^2	4,65*2,49	11,58	3.800.000	100%	1,018	44.790.269		*Cọc số: 49*
		1	391	Mộ xây M02-01: Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; toàn bộ trát vữa xi măng; toàn bộ phần mộ trát đá mài	Trên 3 năm	m^2	3,59*2,06	7,40	3.800.000	100%	1,018	28.608.365		*Cọc số: 50*
		1	391	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm	Trên 3 năm	mộ	2,00	2,00	850.000	100%	1,000	1.700.000		*Cọc số: 49, 50*

TT	Họ tên chủ hộ	Tờ bản đồ	Số thửa	Mồ mả					Đơn giá (đồng)	Bồi thường(%)	Hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực	Thành tiền (đồng)	Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
				Chủng loại	Năm mai táng/năm xây dựng	ĐVT	Khối lượng chi tiết							
							Cách tính	Khối lượng						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(9)*(10)*(11)*(12)	(14)=(13)	(15)
13	UBND phường Trương Quang Trọng (Chưa xác định được thân nhân)											**81.989.947**	**81.989.947**	
		1	462	Mộ xây M05-3: Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi	Trên 3 năm	m²	4,42*2,78	12,29	1.726.000	100%	1,018	21.590.149		*Cọc số: 27*
		1	462	Hỗ trợ di dời mồ mả xây trên 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	850.000	100%	1,000	850.000		*Cọc số: 27*
		1	462	Bờ kè xây móng đá chẻ vữa xi măng quanh mộ	2003	m^3	1,0*0,2*11,75	2,40	1.412.000	100%	1,018	3.449.798		*Cọc số: 27*
		1	477	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 37*
		1	475	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 38*
		1	180	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 40*
		1	421	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 41*
		1	421	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 42*
		1	421	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 43*
		1	421	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số 44*
		1	422	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 45*
		1	412	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 46*
		1	412	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 47*
		1	391	Mộ đất chiếc thời gian mai táng > 3 năm	Trên 3 năm	mộ	1,00	1,00	5.100.000	100%	1,000	5.100.000		*Cọc số: 48*
	Tổng											**531.450.538**	**531.450.538**	

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI LẬP	TỔ TRƯỞNG TỔ CÔNG TÁC GPMB	NGƯỜI KIỂM TRA TRƯỞNG PHÒNG	BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Vinh	**Trương Quang Hoàng Vũ**	**Hoàng Minh Thiện**	**Đỗ Vũ Bảo**

BẢNG TỔNG HỢP DỰ KIẾN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TOÀN BỘ CHO TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi

Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi

Biểu 14

TT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ thường trú	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Tổng cộng (đồng)
			Đất	Nhà, công trình phục vụ đời sống, sản xuất và công trình khác	Mồ mả	Cây cối, hoa màu	Các khoản hỗ trợ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=4+5+6+7+8*
1	Bà Nguyễn Thị Mai Liên	Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	-	-	105.851.616	-	-	**105.851.616**
2	Ông Phạm Đây	Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	-	-	16.752.871	-	-	**16.752.871**
3	Ông Nguyễn Văn Phúc	Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	-	-	30.600.000	-	-	**30.600.000**
4	Ông Nguyễn Phúc	Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	-	-	5.100.000	-	-	**5.100.000**
5	Ông Trần Văn Dũng	Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	-	-	31.906.397	-	-	**31.906.397**
6	Ông Nguyễn Chiến	Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	-	-	22.365.016	-	-	**22.365.016**
7	Ông Phạm Văn Phú	Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	-	-	88.964.705	-	-	**88.964.705**
8	Ông Nguyễn Cứ	Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	-	-	35.700.000	-	-	**35.700.000**

TT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ thường trú	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Tổng cộng (đồng)
			Đất	Nhà, công trình phục vụ đời sống, sản xuất và công trình khác	Mồ mả	Cây cối, hoa màu	Các khoản hỗ trợ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=4+5+6+7+8*
9	Ông Lý Trang	Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	-	-	5.100.000	-	-	**5.100.000**
10	Ông Phạm Tô Ninh	Thôn Gia Hòa, xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi	-	-	26.921.351	-	-	**26.921.351**
11	Ông Trần Hữu Khoa	Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	-	-	5.100.000	-	-	**5.100.000**
12	Ông Nguyễn Giám	Tổ dân phố Long Bàn, Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	-	-	75.098.635	-	-	**75.098.635**
13	UBND phường Trương Quang Trọng (Chưa xác định được thân nhân)		-	-	81.989.947	-	-	**81.989.947**
	Tổng		-	-	**531.450.538**	-	-	**531.450.538**

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI LẬP	TỔ TRƯỞNG TỔ CÔNG TÁC GPMB	NGƯỜI KIỂM TRA TRƯỞNG PHÒNG	BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Vinh	Trương Quang Hoàng Vũ	Hoàng Minh Thiện	Đỗ Vũ Bảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc bàn giao thực địa quỹ đất cải táng do Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy đầu tư xây dựng tại xã Tịnh Ấn Đông (cũ) để phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của UBND phường Trương Quang Trọng tại Công văn số 937/UBND ngày 13/11/2025 về việc mượn tạm lô mộ cải táng để phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi; được sự thống nhất của Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy.

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 15/11/2025, tại hiện trường khu nghĩa địa hiện trạng do Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy đầu tư xây dựng tại phường Trương Quang Trọng (xã Tịnh Ấn Đông cũ).

I. Thành phần tham dự

1. Bên giao: Chi nhánh Công ty CPĐT Năm Bảy Bảy tại Quảng Ngãi

- Ông: Nguyễn Bá Lân Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Nguyễn Ngọc Hoàng Khâm Chức vụ: Nhân viên

2. Bên nhận

2.1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi

- Ông: Đỗ Vũ Bảo Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông: Hoàng Minh Thiện Chức vụ: Trưởng phòng QLDA2
- Ông: Nguyễn Quang Vinh Chức vụ: Quản lý dự án
- Ông: Lê Văn Vàng Chức vụ: Quản lý dự án

2.2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi

- Ông: Phạm Tấn Miên Chức vụ: Tổ trưởng
- Ông: Phạm Công Tuấn Chức vụ: Nhân viên
- Ông: Nguyễn Vĩnh Hưng Chức vụ: Nhân viên

3. UBND phường Trương Quang Trọng

- Ông: Phạm Tấn Phước Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường
- Ông: Lữ Ngọc Út Chức vụ: Trưởng phòng KT,HT&ĐT
- Ông: ..... Chức vụ: .....
- Ông: ..... Chức vụ: .....

II. Nội dung bàn giao

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 3179/BQL-QLDA2 ngày 30/10/2025 về việc hỗ trợ cải táng mồ mả phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy bàn giao thực địa khu đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi (Ban Quản lý dự án) thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, cụ thể như sau:

1. Thống nhất bàn giao khu đất (khoảng 10 hàng, ước tính khoảng 400 lô mộ) cải táng hiện trạng chưa sử dụng tại Khu nghĩa trang đã xây dựng thuộc phường Trương Quang Trọng (thôn Tự Do, xã Tịnh Ấn Đông cũ) cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh thực hiện cải táng mồ mả bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

Phạm vi, ranh giới khu đất bàn giao cho Ban Quản lý dự án quản lý, sử dụng có diện tích khoảng 1.524m^2 được phân thành 400 lô cải táng *(kèm theo Sơ họa mặt bằng vị trí khu đất)*. Giới cận khu đất cụ thể như sau:

+ Phía Đông: Giáp mộ đã cải táng;

+ Phía Tây: Giáp tường rào bê tông (đường và mương thoát nước nội bộ);

+ Phía Nam: Giáp đường trục chính (tuyến số 4);

+ Phía Bắc: Giáp đường nội bộ (tuyến số 5).

(Phần phía Đông khu đất hiện trạng trên đã được cải táng 01 phần diện tích gồm khoảng 9,5 hàng với số mộ cải táng ước tính là 340 lô mộ).

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm hoàn trả đầy đủ quỹ đất cải táng theo đúng số lượng thực tế sử dụng cho Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy tại Khu quy hoạch Nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi thuộc phường Trương Quang Trọng thuộc dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi; thời gian hoàn trả dự kiến trong Quý II năm 2026 (khi xây dựng hoàn thành công trình Khu cải táng nêu trên).

Sau khi kết thúc di dời, Ban Quản lý dự án sẽ phối hợp với Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và địa phương kiểm tra, xác nhận số lượng lô mộ dự án thực tế sử dụng để làm cơ sở hoàn trả đất.

3. Trên cơ sở quỹ đất cải táng nêu trên, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với địa phương tổ chức lập, trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giao đất di dời mồ mả theo quy định.

4. Trong quá trình thực hiện, các bên tiếp tục phối hợp giải quyết các vướng mắc phát sinh (nếu có).

.....

.....

Biên bản lập xong lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày, đọc lại cho các bên cùng nghe và thống nhất nội dung như trên. Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
NĂM BẢY BẢY

Ng. Ngọc Hồng Khiêm

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY TẠI QUẢNG NGÃI

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Lân

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT
TỈNH QUẢNG NGÃI

H.M.Thiên

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH QUẢNG NGÃI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Vũ Bảo

ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM PTQĐ TỈNH

Phạm Tấn Mến

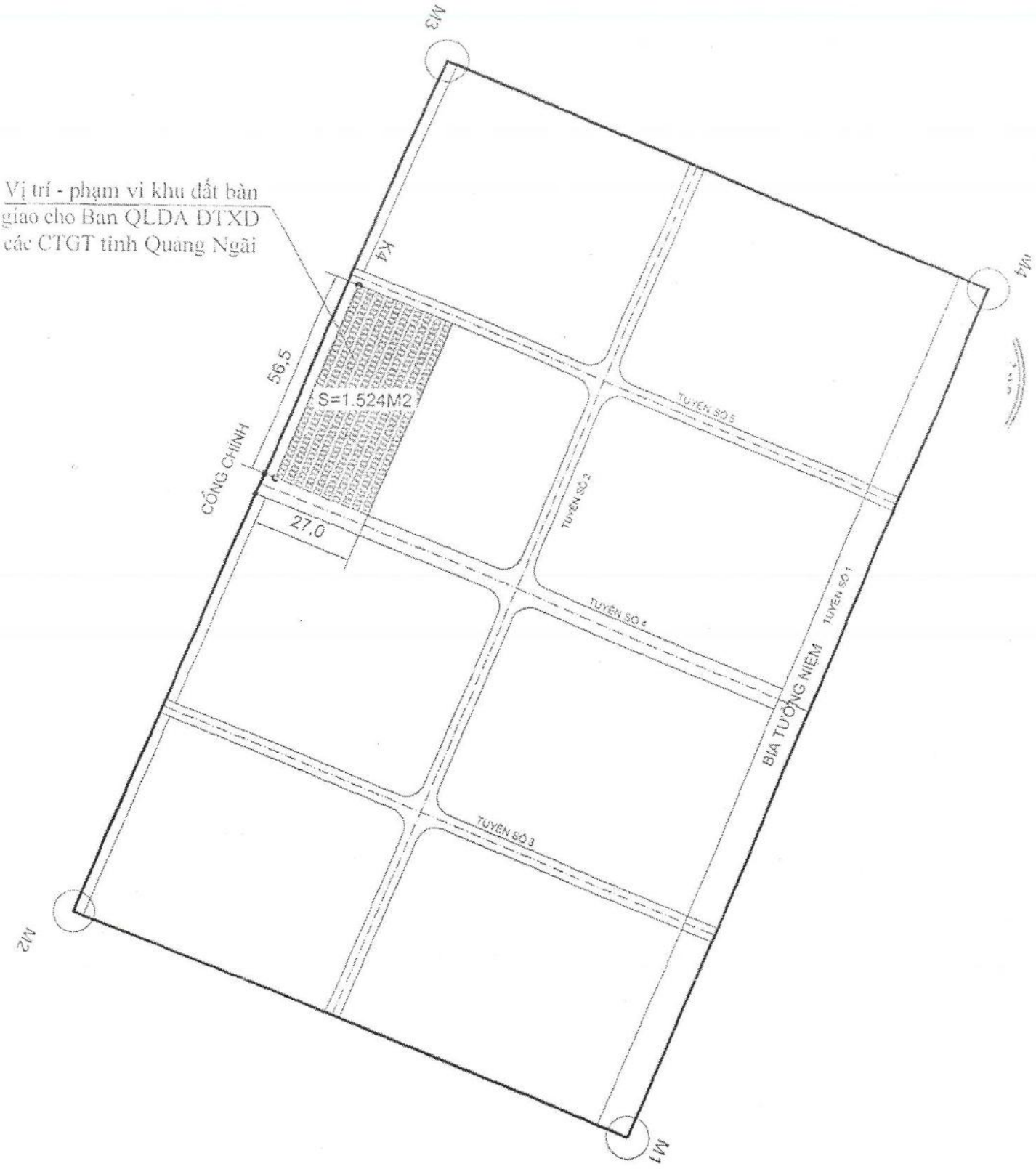
ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

U.B.N.D PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG T. QUẢNG NGÃI

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Tấn Phước

SƠ HỌA MẶT BẰNG VỊ TRÍ KHU ĐẤT
(Kèm theo Biên bản bàn giao ngày 15/11/2025)



GHI CHÚ:

- Kích thước bản vẽ ghi bằng mét
- Bản vẽ không tỷ lệ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc triển khai công tác kiểm kê, bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại Nhà văn hóa Tổ dân phố Long Bàn, phường Trường Quang Trọng. UBND phường Trương Quang Trọng chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi và các đơn vị liên quan tổ chức họp triển khai công tác kiểm kê, bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi để làm cơ sở cho việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các thủ tục đất đai khác có liên quan.

I. Thành phần tham dự:

1. Đại diện Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi

Ông: Đỗ Vũ Bảo — Chức vụ: Phó Giám đốc Ban
Ông: Trương Quang Hoàng Vũ — Chức vụ: Phó Trưởng phòng QLDA2
Ông: Nguyễn Quang Vinh — Chức vụ: Cán bộ phòng QLDA2

2. Đại diện UBND phường Trương Quang Trọng

Ông: Lữ Ngọc Út — Chức vụ: Phó Chủ tịch

3. Đại diện UBMTTQVN phường Trương Quang Trọng

Ông: Nguyễn Quốc Duy — Chức vụ: Phó Chủ tịch

4. Đại diện Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Bà: Vi Thị Quý — Chức vụ: Chuyên viên
Ông: Trương Ngọc Quý — Chức vụ: Chuyên viên

5. Đại diện Tổ dân phố Long Bàn:

Ông: Đặng Trung — Chức vụ: Tổ trưởng TDP

6. Đại diện các hộ dân bị ảnh hưởng:

Ông: Huỳnh Kim Anh — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Ông: Nguyễn Giám — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Ông: Nguyễn Chiến — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Ông: Phạm Đây — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Ông: Phạm Văn Phú — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Ông: Nguyễn Văn Phúc — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Ông: Trần Văn Dũng — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Ông: Trần Hữu Khoa — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Bà: Nguyễn Thị Mai Liên — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

II. Nội dung:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với UBND phường và các đơn vị liên quan tổ chức họp triển khai thực hiện công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm hiện trường đối với đất đai, tài sản trên đất bị ảnh hưởng trong phạm vi giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

- Thông qua nội dung Công văn số 1286/UBND-CNXD ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện nhiệm vụ bồi thường, GPMB công trình khu tái định cư Hòa Bình, Đông Thiên Ấn và khu cải táng mồ mả tại khu nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

- Công khai các Thông báo từ số 172/TB-UBND đến số 192/TB-UBND, số 194/TB-UBND đến số 201/TB-UBND, số 203/TB-UBND đến số 214/TB-UBND ngày 29/10/2025, số 219/TB-UBND đến số 241/TB-UBND, số 243/TB-UBND đến số 266/TB-UBND ngày 31/10/2025 và số 280/TB-UBND ngày 06/11/2025 của UBND phường Trương Quang Trọng về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi.

- Thông tin chi tiết về phạm vi thu hồi đất của công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn được niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường và Nhà văn hóa Tổ dân phố Long Bàn để người sử dụng đất trong vùng dự án được biết, phối hợp với Chủ đầu tư, đơn vị lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện các thủ tục về thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án theo quy định.

- Đề nghị các hộ dân bị ảnh hưởng bầu đại diện hộ dân có đất bị thu hồi đất phối hợp với đơn vị lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện các thủ tục về thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án theo quy định.

2. Ý kiến tham gia của các thành phần dự họp

Qua nội dung trình bày của các bên liên quan tại cuộc họp, các hộ dân tham gia dự họp đã đồng tình thống nhất về phạm vi thu hồi đất của dự án, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền khẩn trương thực hiện công tác, thủ tục liên quan bồi thường, hỗ trợ và sớm chi trả tiền cho người dân để bàn giao mặt bằng thực hiện hoàn thành dự án.

Các hộ dân bị ảnh hưởng thống nhất bầu ông Huỳnh Kim Anh ở địa chỉ Tổ dân phố Long Bàn là người có uy tín, hiểu biết về đất đai trong khu vực làm đại diện cho các hộ dân có đất bị thu hồi để phối hợp với đơn vị lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện các thủ tục về thu hồi đất.

III. Kết luận:

Các bên tham gia thống nhất nội dung cuộc họp như trên để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11.. giờ 00 cùng ngày, nội dung cuộc họp đã được các thành phần tham gia dự họp thông qua và thống nhất ký tên./.

ỦY BAN MTTQVN PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG	ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG
Nguyễn Quốc Dũng	Lê Ngọc Út
BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI	**ĐẠI DIỆN TỔ DÂN PHỐ LONG BÀN**
Nguyễn Quang Vinh Đỗ Vũ Bảo	Đặng Trung

ĐẠI DIỆN CÁC HỘ DÂN ẢNH HƯỞNG THU HỒI ĐẤT

Nguyễn Thiêm

Nguyễn Thiêm

Trần Thị Khuê

Phó

Phạm Văn Phó

Liên

Nguyễn Văn Phúc

Nguyễn thị mai Liên

Huỳnh Lâm Đức



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kiểm tra, đối chiếu thực tế đối với hồ sơ liên quan đến kiểm kê mồ mả nằm trong phạm vi công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua phường Trương Quang Trọng

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 ngày 28/3/2026, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh chủ trì phối hợp với UBND phường Trương Quang Trọng và các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra, đối chiếu thực tế đối với hồ sơ liên quan đến kiểm kê mồ mả nằm trong phạm vi công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua phường Trương Quang Trọng, nội dung cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

1. Đại diện Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi

Ông: Đỗ Vũ Bảo — Chức vụ: Phó Giám đốc Ban

Ông: Trương Quang Hoàng Vũ — Chức vụ: Phó Trưởng phòng QLDA2

Ông: Nguyễn Quang Vinh — Chức vụ: Cán bộ phòng QLDA2

2. Đại diện UBND phường Trương Quang Trọng

Ông: Lữ Ngọc Út — Chức vụ: Phó Chủ tịch

3. Đại diện UBMTTQVN phường Trương Quang Trọng

Ông: Nguyễn Quốc Duy — Chức vụ: Phó Chủ tịch

4. Đại diện Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Bà: Vi Thị Quý — Chức vụ: Chuyên viên

Ông: Trương Ngọc Quý — Chức vụ: Chuyên viên

5. Đại diện Tổ dân phố Long Bàn:

Ông: Đặng Trung — Chức vụ: Tổ trưởng TDP

6. Đại diện các hộ dân bị ảnh hưởng:

Ông: Huỳnh Kim Anh — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

II. Nội dung:

Tổ chức kiểm tra xác định số lượng, vị trí, chủng loại, thời gian mai táng mồ mả nằm trong phạm vi công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua phường Trương Quang Trọng, cụ thể như sau:

- Tổng số mồ mả: 51 mộ (được đánh số từ cọc số 1 đến cọc số 51). Trong đó:

+ Mộ xây: 12 mộ.

+ Mộ đất: 39 mộ.

- Thời gian mai táng: 51 mộ có thời gian mai táng trên 3 năm.

Bảng thống kê số lượng mồ mả bị ảnh hưởng

TT	Họ và tên thân nhân	Ký hiệu cọc	Tờ BĐ ĐC	Số thửa	Loại mộ		Thời gian mai táng	Ghi chú
					Mộ xây	Mộ đất		
1	Bà Nguyễn Thị Mai Liên	Cọc số 1	93	429	x		Trên 3 năm	
		Cọc số 2	93	429		x	Trên 3 năm	Mộ núm bê tông xi măng
		Cọc số 3	93	429	x		Trên 3 năm	
		Cọc số 4	93	429	x		Trên 3 năm	
		Cọc số 5	93	429		x	Trên 3 năm	Mộ viền xây đá chẻ
		Cọc số 6	93	429		x	Trên 3 năm	Mộ viền xây đá chẻ
		Cọc số 7	93	429		x	Trên 3 năm	
		Cọc số 8	93	429		x	Trên 3 năm	Mộ viền xây đá chẻ
		Cọc số 9	93	429	x		Trên 3 năm	
		Cọc số 10	93	429		x	Trên 3 năm	
2	Ông Phạm Đây	Cọc số 11	93	429	x		Trên 3 năm	
3	Ông Nguyễn Văn Phúc	Cọc số 12	93	429		x	Trên 3 năm	
		Cọc số 13	93	429		x	Trên 3 năm	
		Cọc số 14	93	429		x	Trên 3 năm	
		Cọc số 15	93	429		x	Trên 3 năm	
		Cọc số 16	93	429		x	Trên 3 năm	

TT	Họ và tên thân nhân	Ký hiệu cọc	Tờ BĐ ĐC	Số thửa	Loại mộ		Thời gian mai táng	Ghi chú
					Mộ xây	Mộ đất		
		Cọc số 17	93	421		x	Trên 3 năm	
4	Ông Nguyễn Phúc	Cọc số 18	93	429		x	Trên 3 năm	
5	Ông Trần Văn Dũng	Cọc số 19	93	429	x		Trên 3 năm	
		Cọc số 20	93	429		x	Trên 3 năm	
		Cọc số 21	93	429		x	Trên 3 năm	
6	Ông Nguyễn Chiến	Cọc số 22	93	422		x	Trên 3 năm	Mộ núm bê tông xi măng
		Cọc số 23	93	422		x	Trên 3 năm	Mộ núm bê tông xi măng
		Cọc số 24	93	422		x	Trên 3 năm	Mộ núm bê tông xi măng
		Cọc số 25	93	422		x	Trên 3 năm	
7	Ông Phạm Văn Phú	Cọc số 26	93	421	x		Trên 3 năm	
8	Ông Nguyễn Cứ	Cọc số 28	93	462		x	Trên 3 năm	
		Cọc số 29	93	462		x	Trên 3 năm	
		Cọc số 30	93	462		x	Trên 3 năm	
		Cọc số 31	93	462		x	Trên 3 năm	
		Cọc số 32	93	462		x	Trên 3 năm	
		Cọc số 33	93	462		x	Trên 3 năm	
		Cọc số 34	93	462		x	Trên 3 năm	

TT	Họ và tên thân nhân	Ký hiệu cọc	Tờ BĐ ĐC	Số thửa	Loại mộ		Thời gian mai táng	Ghi chú
					Mộ xây	Mộ đất		
9	Ông Lý Trang	Cọc số 35	93	491		x	Trên 3 năm	
10	Ông Phạm Tô Ninh	Cọc số 36	93	479	x		Trên 3 năm	
11	Ông Trần Hữu Khoa	Cọc số 39	93	472		x	Trên 3 năm	
12	Ông Nguyễn Giám	Cọc số 49	93	391	x		Trên 3 năm	
		Cọc số 50	93	391	x		Trên 3 năm	
13	Ông Nguyễn Mùi (ông Nguyễn Thành đại diện)	Cọc số 51	93	391	x		Trên 3 năm	
14	Chưa xác định được thân nhân	Cọc số 27	93	462	x		Trên 3 năm	
15	Chưa xác định được thân nhân	Cọc số 37	93	477		x	Trên 3 năm	
16	Chưa xác định được thân nhân	Cọc số 38	93	475		x	Trên 3 năm	
17	Chưa xác định được thân nhân	Cọc số 40	106	180		x	Trên 3 năm	
18	Chưa xác định được thân nhân	Cọc số 41	93	421		x	Trên 3 năm	
19	Chưa xác định được thân nhân	Cọc số 42	93	421		x	Trên 3 năm	

TT	Họ và tên thân nhân	Ký hiệu cọc	Tờ BĐ ĐC	Số thửa	Loại mộ		Thời gian mai táng	Ghi chú
					Mộ xây	Mộ đất		
20	Chưa xác định được thân nhân	Cọc số 43	93	421		x	Trên 3 năm	
21	Chưa xác định được thân nhân	Cọc số 44	93	421		x	Trên 3 năm	
22	Chưa xác định được thân nhân	Cọc số 45	93	422		x	Trên 3 năm	
23	Chưa xác định được thân nhân	Cọc số 46	93	412		x	Trên 3 năm	
24	Chưa xác định được thân nhân	Cọc số 47	93	412		x	Trên 3 năm	
25	Chưa xác định được thân nhân	Cọc số 48	93	391		x	Trên 3 năm	
	Tổng cộng				**12**	**39**		

(Có sơ đồ mộ chí kèm theo)

III. Ý kiến khác:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

III. Kết luận:

Các thành phần tham dự thống nhất nội dung cuộc họp như trên để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Biên bản kết thúc lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày và được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên./.

BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Quang Vinh

Trần Quý Hùng

Đỗ Vũ Bảo

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Lê Ngọc Vũ

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Nguyễn Quốc Dũng

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Vi Thị Quý

TỔ DÂN PHỐ LONG BÀN

Đặng Bảng

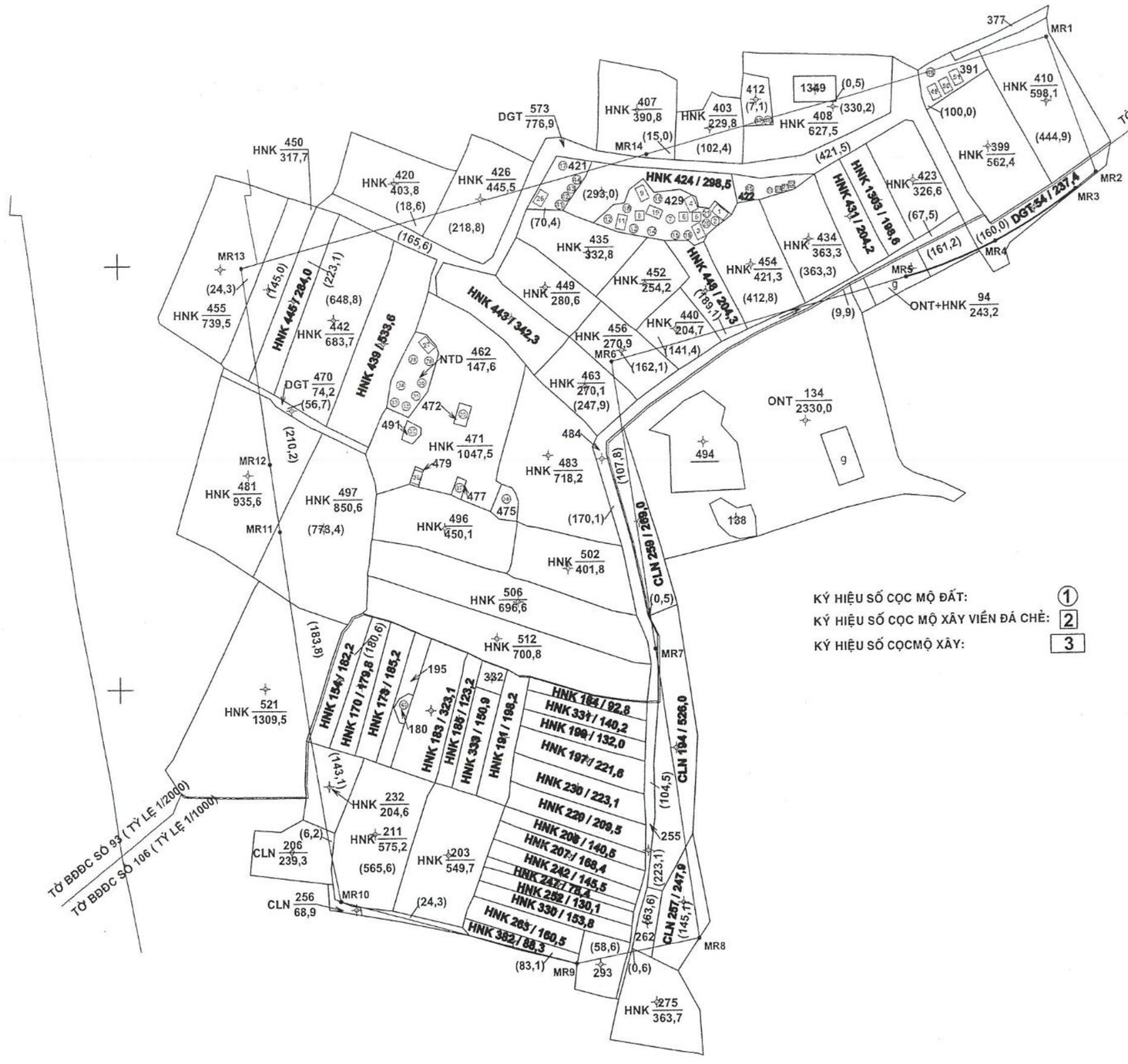
ĐẠI DIỆN CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG

Huỳnh Kim Anh

SƠ ĐỒ TỔNG THỂ MỘ CHÍ

Phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng Công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi

Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi



KÝ HIỆU SỐ CỌC MỘ ĐẤT: ①

KÝ HIỆU SỐ CỌC MỘ XÂY VIỀN ĐÁ CHÈ: 2

KÝ HIỆU SỐ CỌCMỘ XÂY: 3

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG MỘ MẢ

Công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng
Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi

TT	Họ và tên thân nhân	Địa chỉ thường trú	Ký hiệu cọc	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại mộ		Ghi chú
						Mộ xây	Mộ đất	
1	Bà Nguyễn Thị Mai Liên	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 1	1	429	x		
			Cọc số 2	1	429		x	Mộ núm bê tông xi măng
			Cọc số 3	1	429	x		
			Cọc số 4	1	429	x		
			Cọc số 5	1	429		x	Mộ viền xây đá chẻ
			Cọc số 6	1	429		x	Mộ viền xây đá chẻ
			Cọc số 7	1	429		x	
			Cọc số 8	1	429		x	Mộ viền xây đá chẻ
			Cọc số 9	1	429	x		
			Cọc số 10	1	429		x	
2	Ông Phạm Đây	Tổ dân phố Đoàn Kết, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 11	1	429	x		
3	Ông Nguyễn Văn Phúc	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 12	1	429		x	
			Cọc số 13	1	429		x	
			Cọc số 14	1	429		x	
			Cọc số 15	1	429		x	
			Cọc số 16	1	429		x	
			Cọc số 17	1	421		x	
4	Ông Nguyễn Phúc	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 18	1	429		x	
5	Ông Trần Văn Dũng	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 19	1	429	x		
			Cọc số 20	1	429		x	
			Cọc số 21	1	429		x	
6	Ông Nguyễn Chiến	Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 22	1	422		x	Mộ núm bê tông xi măng
			Cọc số 23	1	422		x	Mộ núm bê tông xi măng
			Cọc số 24	1	422		x	Mộ núm bê tông xi măng
			Cọc số 25	1	422		x	
7	Ông Phạm Văn Phú	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 26	1	421	x		
8	Hộ ông Nguyễn Cứ	Tổ dân phố Đoàn Kết, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 28	1	462		x	
			Cọc số 29	1	462		x	
			Cọc số 30	1	462		x	
			Cọc số 31	1	462		x	
			Cọc số 32	1	462		x	
			Cọc số 33	1	462		x	
			Cọc số 34	1	462		x	
9	Ông Lý Trang	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 35	1	491		x	
10	Ông Phạm Tô Ninh	Thôn Gia Hòa, xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 36	1	479	x		
11	Ông Trần Hữu Khoa	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 39	1	472		x	
12	Ông Nguyễn Giám	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang	Cọc số 49	1	391	x		
			Cọc số 50	1	391	x		
13	Ông Nguyễn Mùi (ông Nguyễn Thành đại diện)	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 51	1	391	x		
14	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 27	1	462	x		
15	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 37	1	477		x	
16	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 38	1	475		x	
17	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 40	1	180		x	
18	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 41	1	421		x	
19	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 42	1	421		x	
20	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 43	1	421		x	
21	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 44	1	421		x	
22	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 45	1	422		x	
23	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 46	1	412		x	
24	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 47	1	412		x	
25	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 48	1	391		x	
	Tổng cộng		**51**			**12**	**39**	

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76 /TB-BQL	*Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 3 năm 2025*

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết, công khai sơ đồ mộ chí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua phường Trương Quang Trọng

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho phép tiếp tục thực hiện thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền và áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

Căn cứ Công văn số 1286/UBND-CNXD ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện nhiệm vụ bồi thường, GPMB công trình khu tái định cư Hòa Bình, Đông Thiên Ấn và khu cải táng mồ mả tại khu nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi Thông báo niêm yết, công khai sơ đồ mộ chí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua phường Trương Quang Trọng với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

2. Chủ đầu tư (đơn vị thực hiện công tác bồi thường): Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đơn vị phê duyệt phương án bồi thường: UBND phường Trương Quang Trọng.

4. Nội dung niêm yết: Sơ đồ mộ chí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua phường Trương Quang Trọng *(Có sơ đồ mộ chí và danh sách thân nhân kèm theo).*

5. Địa điểm niêm yết: Trụ sở UBND phường Trương Quang Trọng, trụ sở UBND xã An Phú; Tổ dân phố Long Bàn và hiện trường công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn.

6. Thời gian niêm yết: Từ ngày 31/3/2026.

Để biết thêm thông tin chi tiết, đề nghị các tổ chức, cá nhân liên hệ ông Nguyễn Quang Vinh, nhân viên Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh, số điện thoại: 0948.214.949.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh thông báo để cho thân nhân có mồ mả nằm trong phạm vi công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn và các đối tượng có liên quan được biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND, UBMTTQVN P.Trương Quang Trọng;
- UBND xã An Phú;
- Phòng KT,HT&ĐT P.Trương Quang Trọng;
- Tổ trưởng, Trưởng Ban công tác mặt trận Tổ dân phố Long Bàn;
- GĐ, PGĐ Ban (A. Bảo);
- Lưu: VT,QLDA2.qvinh.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

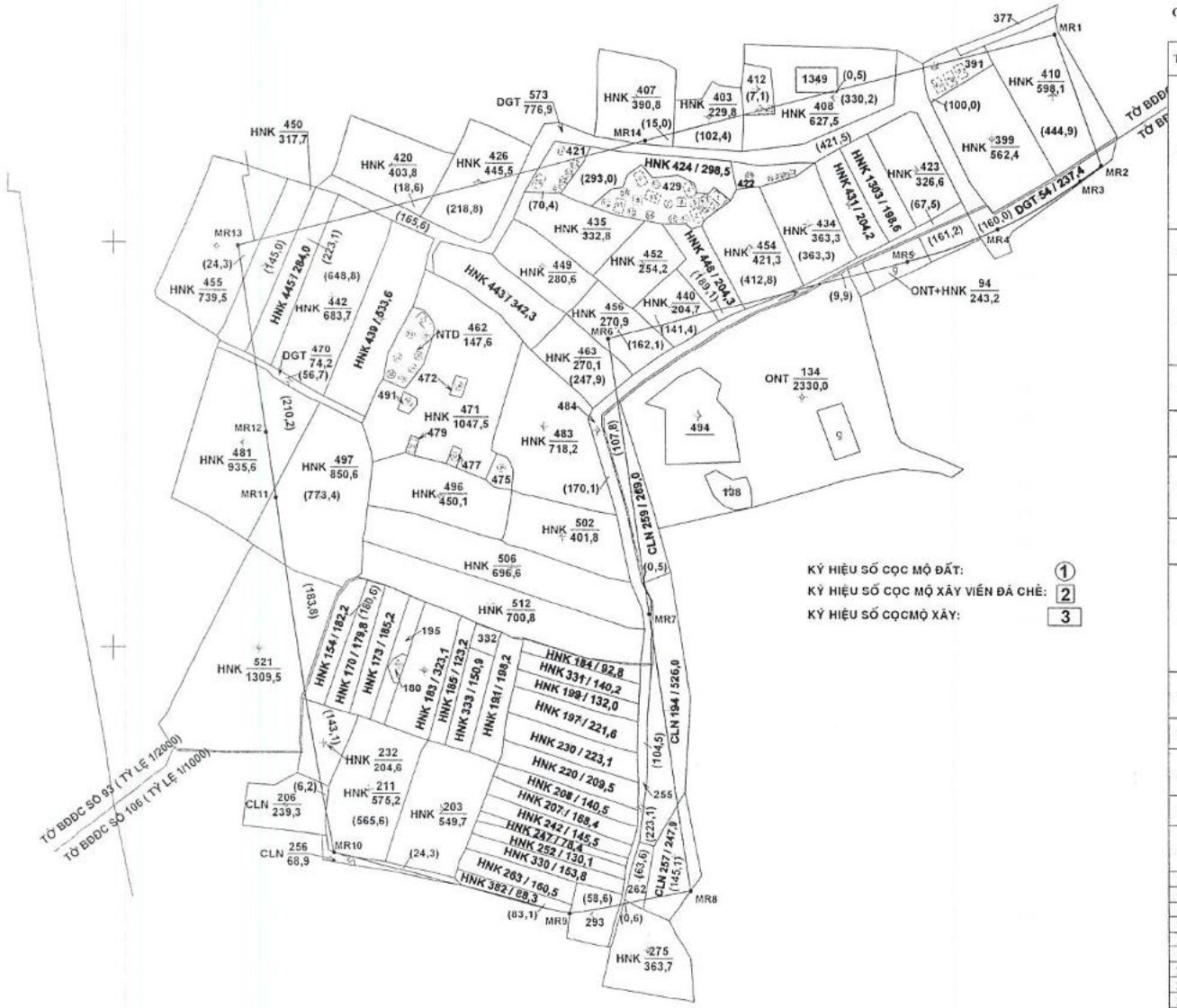
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Đỗ Vũ Bảo

SƠ ĐỒ TỔNG THỂ MỘ CHÍ

Phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng Công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi

Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG MỘ MẢ

Công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng
Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi

TT	Họ và tên thân nhân	Địa chỉ thường trú	Ký hiệu cọc	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại mộ		Ghi chú
						Mộ xây	Mộ đất	
1	Bà Nguyễn Thị Mai Liên	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 1	1	429	x		
			Cọc số 2	1	429		x	Mộ nấm bê tông xi măng
			Cọc số 3	1	429	x		
			Cọc số 4	1	429	x		
			Cọc số 5	1	429		x	Mộ viền xây đá chẻ
			Cọc số 6	1	429		x	Mộ viền xây đá chẻ
			Cọc số 7	1	429		x	
			Cọc số 8	1	429		x	Mộ viền xây đá chẻ
			Cọc số 9	1	429	x		
			Cọc số 10	1	429		x	
2	Ông Phạm Đây	Tổ dân phố Đoàn Kết, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 11	1	429	x		
3	Ông Nguyễn Văn Phúc	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 12	1	429		x	
			Cọc số 13	1	429		x	
			Cọc số 14	1	429		x	
			Cọc số 15	1	429		x	
			Cọc số 16	1	429		x	
			Cọc số 17	1	421		x	
4	Ông Nguyễn Phúc	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 18	1	429		x	
5	Ông Trần Văn Dũng	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 19	1	429	x		
			Cọc số 20	1	429		x	
			Cọc số 21	1	429		x	
6	Ông Nguyễn Chiến	Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 22	1	422		x	Mộ nấm bê tông xi măng
			Cọc số 23	1	422		x	Mộ nấm bê tông xi măng
			Cọc số 24	1	422		x	Mộ nấm bê tông xi măng
			Cọc số 25	1	422		x	
7	Ông Phạm Văn Phú	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 26	1	421	x		
8	Hộ ông Nguyễn Cừ	Tổ dân phố Đoàn Kết, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 28	1	462		x	
			Cọc số 29	1	462		x	
			Cọc số 30	1	462		x	
			Cọc số 31	1	462		x	
			Cọc số 32	1	462		x	
			Cọc số 33	1	462		x	
			Cọc số 34	1	462		x	
9	Ông Lý Trang	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 35	1	491		x	
10	Ông Phạm Tô Ninh	Thôn Gia Hòa, xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 36	1	479	x		
11	Ông Trần Hữu Khoa	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 39	1	472		x	
12	Ông Nguyễn Giám	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang	Cọc số 49	1	391	x		
			Cọc số 50	1	391	x		
13	Ông Nguyễn Mùi (ông Nguyễn Thành đại diện)	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 51	1	391	x		
14	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 27	1	462	x		
15	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 37	1	477		x	
16	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 38	1	475		x	
17	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 40	1	180		x	
18	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 41	1	421		x	
19	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 42	1	421		x	
20	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 43	1	421		x	
21	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 44	1	421		x	
22	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 45	1	422		x	
23	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 46	1	412		x	
24	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 47	1	412		x	
25	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 48	1	391		x	
	Tổng cộng		51			12	39	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai sơ đồ mộ chí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 ngày 31/3/2026, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi chủ trì phối hợp với UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị có liên quan tổ chức niêm yết công khai sơ đồ mộ chí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi với nội dung cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

1. Đại diện Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi

Ông: Đỗ Vũ Bảo — Chức vụ: Phó Giám đốc Ban

Ông: Trương Quang Hoàng Vũ — Chức vụ: Phó Trưởng phòng QLDA2

Ông: Nguyễn Quang Vinh — Chức vụ: Cán bộ phòng QLDA2

2. Đại diện UBND phường Trương Quang Trọng

Ông: Lữ Ngọc Út — Chức vụ: Phó Chủ tịch

3. Đại diện UBMTTQVN phường Trương Quang Trọng

Ông: Nguyễn Quốc Duy — Chức vụ: Phó Chủ tịch

4. Đại diện Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Bà: Vi Thị Quý — Chức vụ: Chuyên viên

5. Đại diện Tổ dân phố Long Bàn:

Ông: Đặng Trung — Chức vụ: Tổ trưởng TDP

6. Đại diện các hộ dân bị ảnh hưởng:

Ông: Huỳnh Kim Anh — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: ..... — Thường trú: .....

Ông: ..... — Thường trú: .....

Ông: ..... — Thường trú: .....

Ông: ..... — Thường trú: .....

Ông: ..... — Thường trú: .....

Ông: ..... — Thường trú: .....

Ông: ..... — Thường trú: .....

II. Nội dung:

Dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường Hoàng Sa – Dốc Sỏi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi *(viết tắt là Ban Quản lý dự án)* làm Chủ đầu tư và thực hiện nhiệm vụ bồi thường, GPMB công trình khu tái định cư Hòa Bình, Đông Thiên Ấn và khu cải táng mồ mả tại khu nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi tại Văn bản số 1286/UBND-CNXD ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 và điểm b, khoản 9, Điều 3, Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội, Ban Quản lý dự án đã phối hợp với UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị có liên quan lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình khu tái định cư Đông Thiên Ấn và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Thông báo số 86/TB-UBND ngày 10/4/2026 theo quy định.

Hôm nay, Ban Quản lý dự án chủ trì phối hợp với UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị có liên quan tổ chức niêm yết công khai sơ đồ mộ chí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi của Ban Quản lý dự án tại Thông báo số 76/TB-UBND ngày 31/3/2026, cụ thể như sau:

1. Nội dung niêm yết: Sơ đồ mộ chí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua phường Trương Quang Trọng *(Có sơ đồ mộ chí và danh sách thân nhân kèm theo).*

2. Địa điểm niêm yết: Trụ sở UBND phường Trương Quang Trọng, trụ sở UBND xã An Phú; Tổ dân phố Long Bàn và hiện trường công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn.

3. Thời gian niêm yết: Từ ngày 31/3/2026.

Trong quá trình niêm yết Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm tiếp nhận ý kiến tham gia góp ý và sẽ tổ chức họp giải đáp thắc mắc cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng tại UBND phường Trương Quang Trọng.

Nay, Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với UBND, UBMTTQVN UBND phường Trương Quang Trọng, Tổ trưởng Tổ dân phố Long Bàn và đại diện hộ dân bị ảnh hưởng thống nhất lập Biên bản niêm yết công khai sơ đồ mộ chí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

III. Kết luận:

Các thành phần tham dự thống nhất nội dung cuộc họp như trên để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Biên bản kết thúc lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày và được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên./.

BAN QL DA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI	**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG**
Vũ Bảo	Lê Ngọc Vũ
ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG	**PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG**
Nguyễn Quốc Dũng	Vi Thị Quý

TỔ DÂN PHỐ LONG BÀN

Tăng Long

ĐẠI DIỆN CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc tạm chuyển số lượng mồ mả chưa có thân nhân kê khai để xác lập hồ sơ kiểm kê đứng tên UBND phường Trương Quang Trọng phục vụ lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 15/4/2026, tại trụ sở UBND phường Trương Quang Trọng, chúng tôi gồm:

I. Thành phần tham dự

1. Đại diện UBND phường Trương Quang Trọng

Ông: Lữ Ngọc Út Chức vụ: Phó Chủ tịch

2. Đại diện Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Bà: Vi Thị Quý Chức vụ: Chuyên viên

3. Đại diện UBMTTQVN phường Trương Quang Trọng

Ông: Nguyễn Quốc Duy Chức vụ: Phó Chủ tịch

4. Đại diện Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi

Ông: Đỗ Vũ Bảo Chức vụ: Phó Giám đốc Ban

Ông: Trương Quang Hoàng Vũ Chức vụ: Phó Trưởng phòng QLDA2

Ông: Nguyễn Quang Vinh Chức vụ: Cán bộ phòng QLDA2

5. Đại diện Tổ dân phố Long Bàn:

Ông: Đặng Trung Chức vụ: Tổ trưởng TDP

6. Đại diện các hộ dân bị ảnh hưởng:

Ông: Huỳnh Kim Anh Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: ..... Thường trú: .....

Ông: ..... Thường trú: .....

Ông: ..... Thường trú: .....

Ông: ..... Thường trú: .....

Ông: ..... Thường trú: .....

Ông: ..... Thường trú: .....

Ông: ..... Thường trú: .....

Ông: ..... Thường trú: .....

Ông: ..... Thường trú: .....

II. Nội dung:

Ngày 31/3/2026, Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi có Thông báo số 76/TB-UBND về việc niêm yết, công khai sơ đồ mộ chí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, doạn qua phường Trương Quang Trọng.

Theo đó, Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi đã phối hợp với các thành phần liên quan tổ chức niêm yết công khai Thông báo trên *(kèm theo Sơ đồ mộ chí)* từ ngày 31/3/2026 và kết thúc vào ngày 15/4/2026 *(có các Biên bản kèm theo).*

Theo đó, với tổng số lượng 51 mộ *(gồm 39 mộ đất, 12 mộ xây)* được xác lập sơ đồ mộ chí và niêm yết công khai thì đến thời điểm kết thúc niêm yết công khai chỉ có 39 mộ có thân nhân kê khai; còn lại 12 mộ *(trong đó có 01 mộ xây)* chưa có thân nhân kê khai. Vì vậy, để kịp thời đẩy nhanh tiến độ GPMB thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo kết luận số 182/TB-UBND ngày 03/3/2026, các thành phần thống nhất đối với 12 mồ mả đến thời điểm hiện nay chưa có thân nhân kê khai thì tạm chuyển về xác lập hồ sơ kiểm kê đứng tên UBND phường Trương Quang Trọng để lập phương án bồi thường trình phê duyệt. Sau khi phương án bồi thường được UBND phường phê duyệt sẽ công khai theo quy định, trong quá trình thực hiện phương án duyệt, nếu có thân nhân đến khai nhận thì Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi sẽ có trách nhiệm xác lập các thủ tục với thân nhân đó, có sự chứng kiến của các bên liên quan để làm cơ sở chuyển kinh phí bồi thường mộ, bàn giao sơ đồ cọc mộ cho thân nhân có mộ tiến hành di dời theo đúng quy định và cam kết không yêu cầu, khiếu nại.

*** Ý kiến khác:**

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. Kết luận:

Các thành phần tham dự thống nhất nội dung cuộc họp như trên để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Biên bản kết thúc lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày và được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên./.

BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI	**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG**
Nguyễn Quang Vinh Trần Quang Hồng Vũ Đỗ Vĩ Bảo	Lê Ngọc Vũ
ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG	**PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG**
Nguyễn Quốc Dũng	Vi Chí Quý

TỔ DÂN PHỐ LONG BÀN

Đặng Trung

ĐẠI DIỆN CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG

Huỳnh Kim Định

ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 554/UBND-PKTHTĐT	*P.Trương Quang Trọng, ngày 10 tháng 4 năm 2026*

V/v xác nhận thời gian mai táng mồ mả để thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

Kính gửi: Ban QLDA ĐTXD các CTGT thông tỉnh Quảng Ngãi.

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1004/BQL-QLDA2 ngày 08/4/2026 về việc xác nhận thời gian mai táng mồ mả để thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi. Trên cơ sở Biên bản kiểm tra thực địa ngày 28/3/2026, UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận thời gian mai táng mồ mả để thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi *(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)*.

UBND phường Trương Quang Trọng xác nhận như trên để Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT UBND phường;
- UBMTTQVN phường (phối hợp);
- Phòng KT, HT và Đô thị phường;
- VPUB: C, PCVP, CV;
- Lưu: VT, PKTHTĐT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lữ Ngọc Út

DANH SÁCH XÁC NHẬN THỜI GIAN MAI TÁNG MỒ MẢ

Công trình: Khu tái định cư Đồng Thiện An thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi

Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Công văn số 554/UBND-PKTHTĐT ngày 10/4/2026 của UBND phường Trương Quang Trọng)

TT	Họ và tên thân nhân	Địa chỉ thường trú	Ký hiệu cọc	Tờ BĐĐC Tịnh An (cũ)	Tờ BĐĐC mới	Số thửa	Loại mộ		Thời gian mai táng mồ mả	Ghi chú
							Mộ xây	Mộ đất		
1	Bà Nguyễn Thị Mai Liên	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 1	5	93	429	x		Trên 3 năm	
			Cọc số 2	5	93	429		x	Trên 3 năm	Mộ núm bê tông xi măng
			Cọc số 3	5	93	429	x		Trên 3 năm	
			Cọc số 4	5	93	429	x		Trên 3 năm	
			Cọc số 5	5	93	429		x	Trên 3 năm	Mộ viền xây đá chẻ
			Cọc số 6	5	93	429		x	Trên 3 năm	Mộ viền xây đá chẻ
			Cọc số 7	5	93	429		x	Trên 3 năm	
			Cọc số 8	5	93	429		x	Trên 3 năm	Mộ viền xây đá chẻ
			Cọc số 9	5	93	429	x		Trên 3 năm	
			Cọc số 10	5	93	429		x	Trên 3 năm	
2	Ông Phạm Đây	Tổ dân phố Đoàn Kết, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 11	5	93	429	x		Trên 3 năm	
3	Ông Nguyễn Văn Phúc	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 12	5	93	429		x	Trên 3 năm	
			Cọc số 13	5	93	429		x	Trên 3 năm	
			Cọc số 14	5	93	429		x	Trên 3 năm	
			Cọc số 15	5	93	429		x	Trên 3 năm	
			Cọc số 16	5	93	429		x	Trên 3 năm	
			Cọc số 17	5	93	421		x	Trên 3 năm	
4	Ông Nguyễn Phúc	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 18	5	93	429		x	Trên 3 năm	
5	Ông Trần Văn Dũng	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 19	5	93	429	x		Trên 3 năm	
			Cọc số 20	5	93	429		x	Trên 3 năm	
			Cọc số 21	5	93	429		x	Trên 3 năm	
6	Ông Nguyễn Chiến	Phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 22	5	93	422		x	Trên 3 năm	Mộ núm bê tông xi măng
			Cọc số 23	5	93	422		x	Trên 3 năm	Mộ núm bê tông xi măng
			Cọc số 24	5	93	422		x	Trên 3 năm	Mộ núm bê tông xi măng

TT	Họ và tên thân nhân	Địa chỉ thường trú	Ký hiệu cọc	Tờ BĐĐC Tịnh An (cũ)	Tờ BĐĐC mới	Số thửa	Loại mộ		Thời gian mai táng mồ mả	Ghi chú
							Mộ xây	Mộ đất		
			Cọc số 25	5	93	422		x	Trên 3 năm	
7	Ông Phạm Văn Phú	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 26	5	93	421	x		Trên 3 năm	
8	Hộ ông Nguyễn Cứ	Tổ dân phố Đoàn Kết, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 28	5	93	462		x	Trên 3 năm	
			Cọc số 29	5	93	462		x	Trên 3 năm	
			Cọc số 30	5	93	462		x	Trên 3 năm	
			Cọc số 31	5	93	462		x	Trên 3 năm	
			Cọc số 32	5	93	462		x	Trên 3 năm	
			Cọc số 33	5	93	462		x	Trên 3 năm	
			Cọc số 34	5	93	462		x	Trên 3 năm	
9	Ông Lý Trang	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 35	5	93	491		x	Trên 3 năm	
10	Ông Phạm Tô Ninh	Thôn Gia Hòa, xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 36	5	93	479	x		Trên 3 năm	
11	Ông Trần Hữu Khoa	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 39	5	93	472		x	Trên 3 năm	
12	Ông Nguyễn Giám	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang	Cọc số 49	5	93	391	x		Trên 3 năm	
			Cọc số 50	5	93	391	x		Trên 3 năm	
13	Ông Nguyễn Mùi (ông Nguyễn Thành đại diện)	Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	Cọc số 51	5	93	391	x		Trên 3 năm	
14	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 27	5	93	462	x		Trên 3 năm	
15	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 37	5	93	477		x	Trên 3 năm	
16	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 38	5	93	475		x	Trên 3 năm	
17	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 40	18	106	180		x	Trên 3 năm	
18	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 41	5	93	421		x	Trên 3 năm	
19	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 42	5	93	421		x	Trên 3 năm	
20	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 43	5	93	421		x	Trên 3 năm	
21	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 44	5	93	421		x	Trên 3 năm	
22	Chưa xác định được thân nhân		Cọc số 45	5	93	422		x	Trên 3 năm	

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1016 /TB-UBND	*P. Trương Quang Trọng, ngày 10 tháng 4 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết, công khai danh sách nguồn gốc sử dụng công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

UBND phường Trương Quang Trọng nhận được Công văn số 889/BQL-QLDA2 ngày 31/3/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh về việc xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng, mục đích sử dụng, vị trí đất để phục vụ công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

Thực hiện Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp; phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường kiểm tra, rà soát nguồn gốc sử dụng đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ và đối chiếu với quy định của pháp luật hiện hành. Để đảm bảo tính công khai, minh bạch khi Nhà nước thu hồi đất, trước khi xác nhận các thủ tục, hồ sơ làm cơ sở lập phương án bồi thường, UBND phường Trương Quang Trọng thông báo niêm yết, công khai các nội dung như sau:

1. Nội dung niêm yết: Danh sách các thửa đất do UBND phường Trương Quang Trọng quản lý thuộc công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi *(có phụ lục danh sách thửa đất kèm theo)*.

2. Địa điểm niêm yết:

- Trụ sở UBND phường Trương Quang Trọng;
- Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ dân phố Long Bàn, phường Trương Quang Trọng.

3. Thời gian niêm yết: 15 ngày, kể từ ngày ban hành Thông báo.

Người có yêu cầu, khiếu nại, phản ánh liên quan đến nội dung Thông báo này có quyền gửi đơn đến UBND phường Trương Quang Trọng *(qua phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường)* để được giải quyết. Những yêu cầu, khiếu nại sau thời gian niêm yết công khai, UBND phường không xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:
- CT, PCT UBND phường;
- Phòng KT, HT và ĐT phường;
- VPUB: C, PCVP, CV;
- Trụ sở UBND phường;
- Điểm SHVH TDP Long Bàn;
- Lưu: VT, PKTHTĐT.vtq.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lữ Ngọc Út

DANH SÁCH XÁC NHẬN NGUỒN GỐC

Công trình: khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi.

Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Thông báo số 1016 /TB-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường Trương Quang Trọng

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
1	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	435	332,8	332,8	HNK	2	590	2308	ĐM	6	267	328	M	5	435	332,8	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 267, tờ bản đồ số 6, diện tích 328,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 435 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 332,8 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 435 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 332,8 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 61; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay không có cho ai thuê đất.	
2	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	448	204,3	189,1	HNK	2	590	2308	ĐM	6	265	420	M	5	448	204,3	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 265, tờ bản đồ số 6, diện tích 420,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 56, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 448 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 204,3 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 448 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 204,3 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 64; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Năm 2020, UBND xã Tịnh An cho ông Nguyễn Phúc thuê đất hợp đồng ngày 04/12/2020, hạn thuê đến ngày 04/12/2021. Từ ngày 05/12/2021 đến nay không cho ai thuê đất.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
3	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	449	280,6	280,6	HNK	2	590	2308	ĐM	6	268	545	M	5	449	280,6	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 268, tờ bản đồ số 6, diện tích 545,0 m2, loại đất: M ; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 449 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An , diện tích 280,6 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 449 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 280,6 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 65; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Năm 2024, UBND xã Tịnh An cho ông Đặng Tròn thuê đất hợp đồng ngày 14/5/2024, hạn thuê đến ngày 14/5/2025. Từ ngày 15/5/2025 đến nay không cho ai thuê đất.	
4	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	456	270,9	162,1	HNK	2	590	2308	ĐM	6	268	545	M	5	456	270,9	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 268, tờ bản đồ số 6, diện tích 545,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 456 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 270,9 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: thuộc thửa đất số 456 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 270,9 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 68; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Năm 2020, UBND xã Tịnh An cho ông Nguyễn Phúc thuê đất hợp đồng ngày 14/5/2024, hạn thuê đến ngày 14/5/2025. Từ ngày 15/5/2025 đến nay không cho ai thuê đất.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
5	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	463	270,1	247,9	HNK	2	495	2860	ĐM	6	269	618	M	5	463	270,1	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 495, tờ bản đồ số 2, diện tích 2860 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76, tên chủ sử dụng: HTXNN Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 269, tờ bản đồ số 6, diện tích 618,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 463 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An , diện tích 270,1m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 463 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 270,1 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 69; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Năm 2020, UBND xã Tịnh An cho ông Phạm Điều thuê đất hợp đồng ngày 04/12/2020, hạn thuê đến ngày 04/12/2021. Từ ngày 05/12/2021 đến nay không cho ai thuê đất.	
6	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	203	549,7	549,7	HNK	2	488	1056	ĐM	6	371	252	M	18	203	549,7	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 488, tờ bản đồ số 2, diện tích 1056 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76, tên chủ sử dụng: Nguyễn Ơi (08 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 6. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc thửa đất số 370, tờ bản đồ số 6, diện tích 280,0 m2, loại đất: M và thửa đất số 371, tờ bản đồ số 6, diện tích 252,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 134; ghi tên: Đông Ấn xâm canh. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 203 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An, diện tích 549,7 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 13, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 203 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 549,7 m2, loại đất BHK, thuộc đất nông nghiệp khác do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 11, số thứ tự: 654; tại sổ mục kê Quyển số 1, trang số 40; Tại sổ địa chính Quyển số 1, trang số 41, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	
													6	370	280	M						
7	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	211	575,2	565,6	HNK	2	488	1056	ĐM	6	372	612	M	18	211	575,2	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 488, tờ bản đồ số 2, diện tích 1056 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76, tên chủ sử dụng: Nguyễn Ơi (08 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 6. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất số 372, tờ bản đồ số 6, diện tích 612,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 134; ghi tên: Đông Ấn xâm canh. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 211 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An, diện tích 575,2 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 14, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 211 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 575,2 m2, loại đất BHK, thuộc đất nông nghiệp khác do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 11, số thứ tự: 655; tại sổ mục kê Quyển số 1, trang số 40; Tại sổ địa chính Quyển số 1, trang số 41, không thuộc trường hợp cấp GCN.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
8	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	424	298,5	293,0	HNK	2	588	431	N+	6	248	790	N+	5	424	298,5	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 588, tờ bản đồ số 2, diện tích 431 m2, loại đất: N+. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80 thể hiện thửa đất số 588, tờ bản đồ số 2, diện tích 431 m2, loại ruộng đất: CD-K , Chủ sử dụng: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 248, tờ bản đồ số 6, diện tích 790,0 m2, loại đất N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: Đất sử dụng Công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Bản đồ đo vẽ năm 2019: Thửa đất số 424 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 298,5 m2, loại đất BHK, tại sổ mục kê Quyển 1, trang 99 ghi tên hộ ông Lê Dũng Châu. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997 và không giao cho ai, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
9	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	481	935,6	210,2	HNK	2	454	2405	1L	6	306	8168	Hg	5	481	935,6	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 454, tờ bản đồ số 2, diện tích 2405 m2, loại đất: 1L. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80 thể hiện thửa đất số 454, tờ bản đồ số 2, diện tích 2405 m2, loại ruộng đất: Mùa, Chủ sử dụng: HTXNN Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 306, tờ bản đồ số 6, diện tích 8168,0 m2, loại đất Hg; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. - Bản đồ đo vẽ năm 2019: Thửa đất số 481 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 935,6 m2, loại đất BHK. tại sổ mục kê Quyển 1, trang 101, ghi tên hộ ông Nguyễn Quốc Sơn. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997 và không giao cho ai, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
10	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	483	718,2	718,2	HNK	2	492	2230	ĐM	6	312	776	M	5	483	718,2	BHK	Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76 thể hiện thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại ruộng đất: ĐM, Chủ sử dụng: Chùa Thiên Ấn. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất số 312, tờ bản đồ số 6, diện tích 776,0 m2, loại đất: M ; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên chủ sử dụng đất: Đất chùa Tịnh Ấn. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 483 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 718,2 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101, do UBND xã Tịnh An đứng tên (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
11	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	496	450,1	450,1	HNK	2	492	2230	ĐM	6	310	400	M	5	496	450,1	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76 thể hiện thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại ruộng đất: ĐM, Chủ sử dụng: Chùa Thiên Ấn. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất số 310, tờ bản đồ số 6, diện tích 400,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên chủ sử dụng đất: Đất chùa Tịnh Ấn. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 496 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng) diện tích 450,1 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101, do UBND xã Tịnh An đứng tên (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
12	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	497	850,6	773,4	HNK	2	454	2405	1L	6	306	8168	Hg	5	497	850,6	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 454, tờ bản đồ số 2, diện tích 2405 m2, loại đất: 1L. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80 thể hiện thửa đất số 454, tờ bản đồ số 2, diện tích 2405 m2, loại ruộng đất: Mùa, Chủ sử dụng: HTXNN Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 306, tờ bản đồ số 6, diện tích 8168,0 m2, loại đất Hg; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thuộc thửa đất số 497 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 850,6 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101, do UBND xã Tịnh An đứng tên. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
13	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	502	401,8	401,8	HNK	492	2	2230	ĐM	6	313	384	M	5	502	401,8	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76 thể hiện thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại ruộng đất: ĐM, Chủ sử dụng: Chùa Thiên Ấn. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất số 313, tờ bản đồ số 6, diện tích 384,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên chủ sử dụng đất: Đất chùa Tịnh Ấn. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thuộc thửa đất số 502 tờ bản đồ số 5, xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 401,8 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101,do UBND xã Tịnh An đứng tên (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
14	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	506	696,6	696,6	HNK	2	492	2230	ĐM	6	330	596	M	5	506	696,6	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76 thể hiện thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại ruộng đất: ĐM, Chủ sử dụng: Chùa Thiên Ấn. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 6, diện tích 596,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 133; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 113, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa giao. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 506 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 696,6 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101, do UBND xã Tịnh An quản lý. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997, không thuộc trường hợp cấp GCN.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
15	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	521	1.309,5	183,8	HNK	490	2	1860	1L	6	306	8168	Hg	5	521	1.309,5	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 490, tờ bản đồ số 2, diện tích 1860 m2, loại đất: 1L. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76 thể hiện thửa đất số 490, tờ bản đồ số 2, diện tích 1860 m2, loại ruộng đất: Mùa, Chủ sử dụng: HTXNN Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 6, diện tích 8168,0 m2, loại đất M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 521 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 1309,5 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101, ghi tên: Hộ ông Dương Vận. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997, không giao cho ai, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
16	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	194	526,0	223,6	CLN	2	597	700	ĐM	6	353	715	Hg	18	194	526,0	CLN	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 597, tờ bản đồ số 2, diện tích 700 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80 thể hiện thửa đất số 597, tờ bản đồ số 2, diện tích 700 m2, loại ruộng đất: ĐM, Chủ sử dụng: HTXNN Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc 01 phần thửa đất số 353, tờ bản đồ số 6, diện tích 715,0 m2, loại đất: Hg; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 133; tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 194 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 526,0 m2, loại đất CLN; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 13, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997, không giao cho ai, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
17	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	431	204,2	204,2	HNK	2	590	2308	ĐM	6	250	190	M	5	431	204,2	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 250, tờ bản đồ số 6, diện tích 190,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 56, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 431 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 204,2 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 431 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 204,2 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 59; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
18	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	434	363,3	363,3	HNK	2	590	2308	ĐM	6	249	340	M	5	434	363,3	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 249, tờ bản đồ số 6, diện tích 340,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An;Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 56, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 434 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 363,3 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 2, trang 131, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 434 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 363,3 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 60; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	
19	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	440	204,7	141,4	HNK	2	590	2308	ĐM	6	265	420	M	5	440	204,7	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 6, diện tích 420,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An;Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 56, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 440 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An , diện tích 204,7 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 440 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 204,7 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 62; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	
20	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	443	342,3	342,3	HNK	2	590	2308	ĐM	6	269	618	M	5	443	342,3	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997) thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ số 6, diện tích 618,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 443 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 342,3 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 443 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 342,3 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 63; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
21	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	452	254,2	254,2	HNK	2	590	2308	ĐM	6	266	240	M	5	452	254,2	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ số 6, diện tích 240,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 452 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 254,2 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 452 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 254,2 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 66; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	
22	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	454	421,3	412,8	HNK	2	590	2308	ĐM	6	264	336	M	5	454	421,3	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 6, diện tích 336,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 56, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 454 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 421,3 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 454 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 421,3 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 67; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
23	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	471	1.047,5	1.047,5	HNK	2 2 2	492 494 495	2230 400 2860	ĐM N+ ĐM	6 6	270 311	775 495	M N+	5	471	1.047,5	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại đất: ĐM; 01 phần thửa đất số 495, tờ bản đồ số 2, diện tích 2860 m2, loại đất: ĐM và thửa đất 494 tờ bản đồ số 2, diện tích 400 m2, loại đất: N+. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76: thửa đất 492 tên chủ sử dụng đất: Chùa Thiên Ấn; thửa đất số 495 tên chủ sử dụng đất: HTXNN Tịnh An; thửa đất số 494 tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 270, tờ bản đồ số 6, diện tích 775,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131: thửa 270 tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; thửa 311 tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng.Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), tại trang 57, thửa đất số 270 tên chủ sử dụng đất: Đất công ích; tại trang 39 thửa đất số 311 tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 471 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 1047,5 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 471 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 1047,5 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự:70; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	
24	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	275	363,7	0,6	HNK	2	603	1579	ĐM	6	421	640	M	18	275	363,7	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 603, tờ bản đồ số 2, diện tích 1579 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 81, tên chủ sử dụng đất: Nguyễn Nà (05 hộ), phần ghi chú thể hiện đất 5%. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 6, diện tích 640,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 135; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 275 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An, diện tích 363,7 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 15, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 275 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 363,7 m2, loại đất BHK, thuộc đất nông nghiệp khác do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 11, số thứ tự: 656; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 40; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 41, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
25	UBND phường Trương Quang Trọng	I	106	18	206	239,3	6,2	CLN	2	488	1056	ĐM	6	375	570	Hg	18	206	239,3	CLN	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 488, tờ bản đồ số 2, diện tích 1056 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76, tên chủ sử dụng đất: Nguyễn Ơi (02 hộ), phần ghi chú thể hiện đất 5% Đội 6. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 375, tờ bản đồ số 6, diện tích 570,0 m2, loại đất: Hg ; Tại sổ mục kê Quyển số 2, trang 133, ghi tên: Đất chưa phân phối sử dụng. Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 206 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 239,3 m2, loại đất: CLN; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 13, ghi tên hộ ông Dương Đức Thanh. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997, không giao cho ai, không thuộc trường hợp cấp GCN.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
26	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	391	126,9	100,0	NTD					6	1366	128	N	5	391	126,9	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 1366, tờ bản đồ số 6, diện tích 128,0 m2, loại đất N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 163; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 40, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 391 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 126,9 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
27	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	412	86,4	7,1	NTD									5	412	86,4	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất không ghi số thửa, diện tích, loại đất, liền kề các thửa đất số 200, 1322 và 1351 tờ bản đồ số 6; - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 412 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 86,4 m2, loại đất NTD. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
28	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	421	112,9	70,4	NTD					6	248	790	N	5	421	112,9	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc 01 phần thửa đất số 248, tờ bản đồ số 6, diện tích 790,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 421 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 112,9 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
29	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	422	81,2	81,2	NTD					6	248	790	N	5	422	81,2	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc 01 phần thửa đất số 248, tờ bản đồ số 6, diện tích 790,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 422 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 81,2 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
30	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	429	279,4	279,4	NTD					6	248	790	N	5	429	279,4	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 248, tờ bản đồ số 6, diện tích 790,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 429 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 279,4 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
31	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	462	147,6	147,6	NTD					6	311	495	N	5	462	147,6	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 311, tờ bản đồ số 6, diện tích 495,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 462 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 147,6 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
32	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	470	74,2	56,7	DGT					6	306	8168	Hg	5	470	74,2	DGT	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 306, tờ bản đồ số 6, diện tích 8168,0 m2, loại đất: Hg; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 470 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 74,2 m2, loại đất DGT; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
33	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	472	15,0	15,0	NTD					6	270	775	M	5	472	15,0	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 270, tờ bản đồ số 6, diện tích 775,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 472 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 15,0 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
34	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	475	40,9	40,9	NTD					6	311	495	N	5	475	40,9	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 311, tờ bản đồ số 6, diện tích 495,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 475 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 40,9 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 100, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
35	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	477	11,2	11,2	NTD					6	311	495	N	5	477	11,2	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 311, tờ bản đồ số 6, diện tích 495,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 477 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 11,2 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
36	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	479	9,7	9,7	NTD					6	311	495	N	5	479	9,7	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 311, tờ bản đồ số 6, diện tích 495,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 479 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 9,7 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
37	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	484	355,6	237,6	DTL									5	484	355,6	DTL	- Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 484 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 355,6 m2, loại đất DTL. Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
38	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	491	16,3	16,3	NTD					6	270	775	M	5	491	16,3	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 270, tờ bản đồ số 6, diện tích 775,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 491 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 16,3 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
39	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	512	700,8	700,8	HNK	2	492	2230	ĐM	6	329	632	M	5	512	700,8	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76 thể hiện thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại ruộng đất: ĐM, Chủ sử dụng: Chùa Thiên Ấn. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc thửa đất số 329, tờ bản đồ số 6, diện tích 632,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 133; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 113, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa giao. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 512 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 700,8 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
40	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	573	776,9	587,1	DGT									5	573	776,9	DGT	- Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 573, tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng) diện tích 776,9 m2, loại đất DGT. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 102, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
41	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	1349	59,9	0,5	NTD					6	200	570	M	5	1349	59,9	NTD	- Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 1349 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 59,9 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 119, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
42	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	54	237,4	160,0	DGT									18	54	11.991,5	DGT	- Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng) diện tích 11,991,5 m2, loại đất DGT. Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 8, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
43	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	180	18,6	18,6	NTD					6	348	636	M	18	180	18,6	NTD	'- Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thuộc thửa đất số 180 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 18,6 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 13, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
44	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	232	204,6	143,1	HNK	2	488	1056	ĐM	6	373	262	M	18	232	204,6	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 488, tờ bản đồ số 2, diện tích 1056 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76, tên chủ sử dụng đất: Nguyễn Oi (03 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 6. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc thửa đất số 373, tờ bản đồ số 6, diện tích 262,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 134; tên đăng ký: UB xã, phần ghi chú thể hiện Đông Ấn xâm canh. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 232 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 204,6 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 14, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
45	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	255	113,1	104,5	DGT									18	255	131,0	DGT	- Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 255 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 131 m2, loại đất DGT. Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 15, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
46	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	256	68,9	24,3	CLN	2	488	1056	ĐM	6	370 371 372	280 252 612	ĐM ĐM ĐM	18	256	68,9	CLN	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 488, tờ bản đồ số 2, diện tích 1056 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76, tên chủ sử dụng đất: Nguyễn Ơi (03 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 6. -Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 370, tờ bản đồ số 6, diện tích 280 m2, loại đất: ĐM; 01 phần thửa đất số 370, tờ bản đồ số 6, diện tích 280 m2, loại đất: ĐM và 01 phần thửa đất số 370, tờ bản đồ số 6, diện tích 280 m2, loại đất: ĐM; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 134; Các thửa 370, 371, 372 tên đăng ký: UB xã, phần ghi chú thể hiện Đông Ấn xâm canh. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 256 tờ bản đồ số 18 (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 68,9 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 15, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng). Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
47	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	257	247,9	145,1	CLN	2	603	1579	ĐM	6	422	1770	T	18	257	247,9	CLN	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 603, tờ bản đồ số 2, diện tích 1579 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 81, tên chủ sử dụng đất: Nguyễn Nà (05 hộ), phần ghi chú thể hiện đất 5%. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): 01 phần thửa đất số 353, tờ bản đồ số 6, diện tích 715,0 m2, loại đất: Hg và 01 phần thửa đất số thửa đất số 422, tờ bản đồ số 6, diện tích 1770,0 m2, loại đất: T; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 133; tên đăng ký: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), tại trang 133, thửa 353 tên chủ sử dụng đất: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 247,9 m2, loại đất CLN; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 15, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
48	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	259	269,0	107,8	CLN					6	353	715	Hg	18	259	269,0	CLN	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc đường giao thông. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 353, tờ bản đồ số 6, diện tích 715,0 m2, loại đất: Hg; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 133; tên đăng ký: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 259 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 269,0 m2, loại đất CLN; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 15, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
Tổng					48	16.165,4	12.115,9															

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc niêm yết công khai nguồn gốc sử dụng đất để thực hiện công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 ngày 10/4/2026, UBND phường Trương Quang Trọng chủ trì phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi và các đơn vị có liên quan tổ chức niêm yết công khai nguồn gốc sử dụng đất để thực hiện công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi với nội dung cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

1. Đại diện UBND phường Trương Quang Trọng

Ông: Lữ Ngọc Út Chức vụ: Phó Chủ tịch

2. Đại diện UBMTTQVN phường Trương Quang Trọng

Ông: Nguyễn Quốc Duy Chức vụ: Phó Chủ tịch

3. Đại diện Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Bà: Vi Thị Quý Chức vụ: Chuyên viên

Ông: Trương Ngọc Quý Chức vụ: Chuyên viên

4. Đại diện Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi

Ông: Đỗ Vũ Bảo Chức vụ: Phó Giám đốc Ban

Ông: Trương Quang Hoàng Vũ Chức vụ: Phó Trưởng phòng QLDA2

Ông: Nguyễn Quang Vinh Chức vụ: Cán bộ phòng QLDA2

5. Đại diện Tổ dân phố Long Bàn:

Ông: Đặng Trung Chức vụ: Tổ trưởng TDP

6. Đại diện các hộ dân bị ảnh hưởng:

Ông: Huỳnh Kim Anh Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

II. Nội dung:

Thực hiện Thông báo số 1016/TB-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường Trương Quang Trọng về việc niêm yết, công khai danh sách nguồn gốc sử dụng đất công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi. Chúng tôi tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai các nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung niêm yết: Danh sách các thửa đất do UBND phường Trương Quang Trọng quản lý thuộc công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa -

Dốc Sỏi *(Có danh sách chi tiết kèm theo Thông báo số 1016/TB-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường Trương Quang Trọng).*

2. Địa điểm niêm yết: Trụ sở UBND phường Trương Quang Trọng, điểm sinh hoạt Tổ dân phố Long Bàn.

3. Thời gian niêm yết: Thời gian niêm yết 15 ngày, kể từ ngày 10/4/2026.

Trong thời gian niêm yết, Ban Quản lý dự án và UBND phường Trương Quang Trọng sẽ có trách nhiệm tiếp nhận, giải đáp mọi thắc mắc, kiến nghị của các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có đất bị thu hồi theo quy định.

4. Ý kiến khác:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

III. Kết luận:

Các thành phần tham dự thống nhất nội dung cuộc họp như trên để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 00 phút cùng ngày và được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên./.

BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI	**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG**
Đỗ Vũ Bảo	Lữ Ngọc Út
ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG	**PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG**
Nguyễn Quốc Dũng	Vi Thị Quý

TỔ DÂN PHỐ LONG BÀN

Đặng Trung

ĐẠI DIỆN CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG

Huỳnh Lâm Anh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc kết thúc niêm yết công khai nguồn gốc sử dụng đất để thực hiện công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

Trên cơ sở Thông báo số 1016/TB-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường Trương Quang Trọng, Biên bản niêm yết ngày 10/4/2026 về việc niêm yết công khai nguồn gốc sử dụng đất để thực hiện công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 24/4/2026 tại UBND phường Trương Quang Trọng, chúng tôi gồm có:

I. Thành phần tham dự

1. Đại diện UBND phường Trương Quang Trọng

Ông: Lữ Ngọc Út Chức vụ: Phó Chủ tịch

2. Đại diện UBMTTQVN phường Trương Quang Trọng

Ông: Nguyễn Quốc Duy Chức vụ: Phó Chủ tịch

3. Đại diện Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Bà: Vi Thị Quý Chức vụ: Chuyên viên

Ông: Trương Ngọc Quý Chức vụ: Chuyên viên

4. Đại diện Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi

Ông: Đỗ Vũ Bảo Chức vụ: Phó Giám đốc Ban

Ông: Trương Quang Hoàng Vũ Chức vụ: Phó Trưởng phòng QLDA2

Ông: Nguyễn Quang Vinh Chức vụ: Cán bộ phòng QLDA2

5. Đại diện Tổ dân phố Long Bàn:

Ông: Đặng Trung Chức vụ: Tổ trưởng TDP

6. Đại diện các hộ dân bị ảnh hưởng:

Ông: Huỳnh Kim Anh Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

II. Nội dung:

Ngày 10/4/2026, UBND phường phối hợp UB MTTQVN phường Trương Quang Trọng và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh niêm yết công khai nguồn gốc sử dụng đất để thực hiện công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

Trong quá trình niêm yết công khai từ ngày 24/4/2026 đến hết ngày 04/5/2026, chúng tôi không nhận được ý kiến phản ánh, kiến nghị liên quan đến nội dung niêm yết nêu trên.

Đồng thời, các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức không có tranh chấp, khiếu nại gì đối với các chủ sử dụng đất và cũng không có ý kiến gì khác về nguồn gốc của các thửa đất có trong danh sách được niêm yết.

Các ý kiến liên quan khác:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Nay, UBND phường Trương Quang Trọng và các thành phần tham dự liên quan thống nhất lập biên bản kết thúc niêm yết công khai nguồn gốc sử dụng đất để thực hiện công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức theo quy định.

III. Kết luận:

Các thành phần tham dự thống nhất nội dung cuộc họp như trên để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 20 phút cùng ngày và được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên./.

BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Quang Vinh

Đỗ Vũ Bảo

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Lữ Ngọc Vũ

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Nguyễn Quốc Dũng

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Vi Thị Quý

TỔ DÂN PHỐ LONG BÀN

Đặng Công

ĐẠI DIỆN CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG

UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 708 /UBND V/v xác nhận nguồn gốc sử dụng đất để thực hiện dự án công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.	*P.Trương Quang Trọng, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

Kính gửi: Ban Quản lý DAĐTXD các CT Giao thông tỉnh.

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh tại Công văn số 889/BQL-QLDA2 ngày 31/3/2026 về việc xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng, mục đích sử dụng, vị trí đất để phục vụ công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi. Trên cơ sở Thông báo số 1016/TB-UBND ngày 10/4/2026 về việc niêm yết, công khai danh sách nguồn gốc sử dụng đất công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi; Biên bản niêm yết ngày 10/4/2026; Biên bản kết thúc niêm yết ngày 24/4/2026; UBND phường Trương Quang Trọng có ý kiến như sau:

Xác nguồn gốc sử dụng đất đối với 48 thửa đất do Nhà nước quản lý, để thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

(Chi tiết danh sách thửa đất Phụ lục kèm theo).

UBND phường Trương Quang Trọng phúc đáp các nội dung nêu trên, để Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh đối chiếu đưa vào lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đảm bảo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT UBND phường;
- Phòng KT, HT&ĐT phường;
- VPUB: C, PCVP, CV;
- Lưu: VT, PKTHTĐT.vtq.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG T. NGHỆ AN

Lữ Ngọc Út

DANH SÁCH XÁC NHẬN NGUỒN GỐC

Công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa- Dốc Sỏi.

Địa điểm: phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Công văn số 1108/TB-UBND ngày 29/4/2026 của UBND phường Trương Quang Trọng

STT	Từ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Từ BĐĐC lập năm 1985				Từ BĐĐC lập năm 1997				Từ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
1	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	435	332,8	332,8	HNK	2	590	2308	ĐM	6	267	328	M	5	435	332,8	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 267, tờ bản đồ số 6, diện tích 328,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 435 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 332,8 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 435 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 332,8 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 61; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay không có cho ai thuê đất.	
2	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	448	204,3	189,1	HNK	2	590	2308	ĐM	6	265	420	M	5	448	204,3	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 265, tờ bản đồ số 6, diện tích 420,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 56, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 448 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 204,3 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 448 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 204,3 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 64; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Năm 2020, UBND xã Tịnh An cho ông Nguyễn Phúc thuê đất hợp đồng ngày 04/12/2020, hạn thuê đến ngày 04/12/2021. Từ ngày 05/12/2021 đến nay không cho ai thuê đất.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
3	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	449	280,6	280,6	HNK	2	590	2308	ĐM	6	268	545	M	5	449	280,6	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 268, tờ bản đồ số 6, diện tích 545,0 m2, loại đất: M ; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 449 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An , diện tích 280,6 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 449 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 280,6 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 65; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Năm 2024, UBND xã Tịnh An cho ông Đặng Tròn thuê đất hợp đồng ngày 14/5/2024, hạn thuê đến ngày 14/5/2025. Từ ngày 15/5/2025 đến nay không cho ai thuê đất.	
4	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	456	270,9	162,1	HNK	2	590	2308	ĐM	6	268	545	M	5	456	270,9	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 268, tờ bản đồ số 6, diện tích 545,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 456 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 270,9 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: thuộc thửa đất số 456 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 270,9 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 68; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Năm 2020, UBND xã Tịnh An cho ông Nguyễn Phúc thuê đất hợp đồng ngày 14/5/2024, hạn thuê đến ngày 14/5/2025. Từ ngày 15/5/2025 đến nay không cho ai thuê đất.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
5	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	463	270,1	247,9	HNK	2	495	2860	ĐM	6	269	618	M	5	463	270,1	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 495, tờ bản đồ số 2, diện tích 2860 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76, tên chủ sử dụng: HTXNN Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 269, tờ bản đồ số 6, diện tích 618,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 463 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An , diện tích 270,1m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 463 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 270,1 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 69; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Năm 2020, UBND xã Tịnh An cho ông Phạm Điều thuê đất hợp đồng ngày 04/12/2020, hạn thuê đến ngày 04/12/2021. Từ ngày 05/12/2021 đến nay không cho ai thuê đất.	
6	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	203	549,7	549,7	HNK	2	488	1056	ĐM	6	371	252	M	18	203	549,7	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 488, tờ bản đồ số 2, diện tích 1056 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76, tên chủ sử dụng: Nguyễn Ơi (08 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 6. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc thửa đất số 370, tờ bản đồ số 6, diện tích 280,0 m2, loại đất: M và thửa đất số 371, tờ bản đồ số 6, diện tích 252,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 134; ghi tên: Đông Ấn xâm canh. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 203 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An, diện tích 549,7 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 13, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 203 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 549,7 m2, loại đất BHK, thuộc đất nông nghiệp khác do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 11, số thứ tự: 654; tại sổ mục kê Quyển số 1, trang số 40; Tại sổ địa chính Quyển số 1, trang số 41, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	
													6	370	280	M						
7	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	211	575,2	565,6	HNK	2	488	1056	ĐM	6	372	612	M	18	211	575,2	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 488, tờ bản đồ số 2, diện tích 1056 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76, tên chủ sử dụng: Nguyễn Ơi (08 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 6. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất số 372, tờ bản đồ số 6, diện tích 612,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 134; ghi tên: Đông Ấn xâm canh. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 211 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An, diện tích 575,2 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 14, do UBND xã Tịnh An đứng tên. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 211 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 575,2 m2, loại đất BHK, thuộc đất nông nghiệp khác do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 11, số thứ tự: 655; tại sổ mục kê Quyển số 1, trang số 40; Tại sổ địa chính Quyển số 1, trang số 41, không thuộc trường hợp cấp GCN.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
8	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	424	298,5	293,0	HNK	2	588	431	N+	6	248	790	N+	5	424	298,5	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 588, tờ bản đồ số 2, diện tích 431 m2, loại đất: N+. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80 thể hiện thửa đất số 588, tờ bản đồ số 2, diện tích 431 m2, loại ruộng đất: CD-K , Chủ sử dụng: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 248, tờ bản đồ số 6, diện tích 790,0 m2, loại đất N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: Đất sử dụng Công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Bản đồ đo vẽ năm 2019: Thửa đất số 424 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 298,5 m2, loại đất BHK, tại sổ mục kê Quyển 1, trang 99 ghi tên hộ ông Lê Dũng Châu. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997 và không giao cho ai, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
9	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	481	935,6	210,2	HNK	2	454	2405	1L	6	306	8168	Hg	5	481	935,6	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 454, tờ bản đồ số 2, diện tích 2405 m2, loại đất: 1L. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80 thể hiện thửa đất số 454, tờ bản đồ số 2, diện tích 2405 m2, loại ruộng đất: Mùa, Chủ sử dụng: HTXNN Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 306, tờ bản đồ số 6, diện tích 8168,0 m2, loại đất Hg; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. - Bản đồ đo vẽ năm 2019: Thửa đất số 481 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 935,6 m2, loại đất BHK. tại sổ mục kê Quyển 1, trang 101, ghi tên hộ ông Nguyễn Quốc Sơn. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997 và không giao cho ai, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
10	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	483	718,2	718,2	HNK	2	492	2230	ĐM	6	312	776	M	5	483	718,2	BHK	Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76 thể hiện thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại ruộng đất: ĐM, Chủ sử dụng: Chùa Thiên Ấn. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất số 312, tờ bản đồ số 6, diện tích 776,0 m2, loại đất: M ; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên chủ sử dụng đất: Đất chùa Tịnh Ấn. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 483 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 718,2 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101, do UBND xã Tịnh An đứng tên (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
11	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	496	450,1	450,1	HNK	2	492	2230	ĐM	6	310	400	M	5	496	450,1	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76 thể hiện thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại ruộng đất: ĐM, Chủ sử dụng: Chùa Thiên Ấn. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất số 310, tờ bản đồ số 6, diện tích 400,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên chủ sử dụng đất: Đất chùa Tịnh Ấn. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 496 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng) diện tích 450,1 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101, do UBND xã Tịnh An đứng tên (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
12	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	497	850,6	773,4	HNK	2	454	2405	1L	6	306	8168	Hg	5	497	850,6	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 454, tờ bản đồ số 2, diện tích 2405 m2, loại đất: 1L. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80 thể hiện thửa đất số 454, tờ bản đồ số 2, diện tích 2405 m2, loại ruộng đất: Mùa, Chủ sử dụng: HTXNN Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 306, tờ bản đồ số 6, diện tích 8168,0 m2, loại đất Hg; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thuộc thửa đất số 497 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 850,6 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101, do UBND xã Tịnh An đứng tên. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
13	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	502	401,8	401,8	HNK	492	2	2230	ĐM	6	313	384	M	5	502	401,8	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76 thể hiện thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại ruộng đất: ĐM, Chủ sử dụng: Chùa Thiên Ân. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất số 313, tờ bản đồ số 6, diện tích 384,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên chủ sử dụng đất: Đất chùa Tịnh Ấn. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thuộc thửa đất số 502 tờ bản đồ số 5, xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 401,8 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101,do UBND xã Tịnh An đứng tên (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
14	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	506	696,6	696,6	HNK	2	492	2230	ĐM	6	330	596	M	5	506	696,6	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76 thể hiện thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại ruộng đất: ĐM, Chủ sử dụng: Chùa Thiên Ân. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 6, diện tích 596,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 133; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 113, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa giao. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 506 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 696,6 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101, do UBND xã Tịnh An quản lý. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997, không thuộc trường hợp cấp GCN.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
15	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	521	1.309,5	183,8	HNK	490	2	1860	1L	6	306	8168	Hg	5	521	1.309,5	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 490, tờ bản đồ số 2, diện tích 1860 m2, loại đất: 1L. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76 thể hiện thửa đất số 490, tờ bản đồ số 2, diện tích 1860 m2, loại ruộng đất: Mùa, Chủ sử dụng: HTXNN Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 6, diện tích 8168,0 m2, loại đất M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 521 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 1309,5 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101, ghi tên: Hộ ông Dương Vận. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997, không giao cho ai, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
16	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	194	526,0	223,6	CLN	2	597	700	ĐM	6	353	715	Hg	18	194	526,0	CLN	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 597, tờ bản đồ số 2, diện tích 700 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80 thể hiện thửa đất số 597, tờ bản đồ số 2, diện tích 700 m2, loại ruộng đất: ĐM, Chủ sử dụng: HTXNN Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc 01 phần thửa đất số 353, tờ bản đồ số 6, diện tích 715,0 m2, loại đất: Hg; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 133; tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 194 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 526,0 m2, loại đất CLN; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 13, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997, không giao cho ai, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
17	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	431	204,2	204,2	HNK	2	590	2308	ĐM	6	250	190	M	5	431	204,2	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 250, tờ bản đồ số 6, diện tích 190,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 56, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 431 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 204,2 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 431 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 204,2 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 59; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
18	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	434	363,3	363,3	HNK	2	590	2308	ĐM	6	249	340	M	5	434	363,3	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 249, tờ bản đồ số 6, diện tích 340,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An;Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 56, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 434 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 363,3 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 2, trang 131, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 434 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 363,3 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 60; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	
19	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	440	204,7	141,4	HNK	2	590	2308	ĐM	6	265	420	M	5	440	204,7	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 6, diện tích 420,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An;Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 56, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 440 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An , diện tích 204,7 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 440 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 204,7 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 62; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	
20	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	443	342,3	342,3	HNK	2	590	2308	ĐM	6	269	618	M	5	443	342,3	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997) thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ số 6, diện tích 618,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 443 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 342,3 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 443 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 342,3 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 63; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
21	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	452	254,2	254,2	HNK	2	590	2308	ĐM	6	266	240	M	5	452	254,2	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ số 6, diện tích 240,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 452 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 254,2 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 452 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 254,2 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 66; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	
22	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	454	421,3	412,8	HNK	2	590	2308	ĐM	6	264	336	M	5	454	421,3	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 590, tờ bản đồ số 2, diện tích 2308 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 80, tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn Bằng (02 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 7. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 6, diện tích 336,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 56, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 454 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 421,3 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 454 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 421,3 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự: 67; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
23	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	471	1.047,5	1.047,5	HNK	2 2 2	492 494 495	2230 400 2860	ĐM N+ ĐM	6 6	270 311	775 495	M N+	5	471	1.047,5	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại đất: ĐM; 01 phần thửa đất số 495, tờ bản đồ số 2, diện tích 2860 m2, loại đất: ĐM và thửa đất 494 tờ bản đồ số 2, diện tích 400 m2, loại đất: N+. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76: thửa đất 492 tên chủ sử dụng đất: Chùa Thiên Ấn; thửa đất số 495 tên chủ sử dụng đất: HTXNN Tịnh An; thửa đất số 494 tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 270, tờ bản đồ số 6, diện tích 775,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131: thửa 270 tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; thửa 311 tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng.Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), tại trang 57, thửa đất số 270 tên chủ sử dụng đất: Đất công ích; tại trang 39 thửa đất số 311 tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 471 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An, diện tích 1047,5 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 471 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 1047,5 m2, loại đất BHK, thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 10, số thứ tự:70; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 09; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 14, không thuộc trường hợp cấp GCN. Hiện nay, không cho ai thuê đất.	
24	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	275	363,7	0,6	HNK	2	603	1579	ĐM	6	421	640	M	18	275	363,7	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 603, tờ bản đồ số 2, diện tích 1579 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 81, tên chủ sử dụng đất: Nguyễn Nà (05 hộ), phần ghi chú thể hiện đất 5%. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 6, diện tích 640,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 135; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 275 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An, diện tích 363,7 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 15, ghi tên: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Thửa đất số 275 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (Nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 363,7 m2, loại đất BHK, thuộc đất nông nghiệp khác do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý thể hiện tại Phụ lục số: 11, số thứ tự: 656; Sổ mục kê Quyển số 1, trang số 40; Sổ địa chính Quyển số 1, trang số 41, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
25	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	206	239,3	6,2	CLN	2	488	1056	ĐM	6	375	570	Hg	18	206	239,3	CLN	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 488, tờ bản đồ số 2, diện tích 1056 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76, tên chủ sử dụng đất: Nguyễn Ơi (02 hộ), phần ghi chú thể hiện đất 5% Đội 6. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 375, tờ bản đồ số 6, diện tích 570,0 m2, loại đất: Hg ; Tại sổ mục kê Quyển số 2, trang 133, ghi tên: Đất chưa phân phối sử dụng. Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 206 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 239,3 m2, loại đất: CLN; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 13, ghi tên hộ ông Dương Đức Thanh. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997, không giao cho ai, không thuộc trường hợp cấp GCN.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
26	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	391	126,9	100,0	NTD					6	1366	128	N	5	391	126,9	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc thửa đất số 1366, tờ bản đồ số 6, diện tích 128,0 m2, loại đất N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 163; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 40, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 391 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 126,9 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
27	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	412	86,4	7,1	NTD									5	412	86,4	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thửa đất không ghi số thửa, diện tích, loại đất, liền kề các thửa đất số 200, 1322 và 1351 tờ bản đồ số 6; - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 412 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 86,4 m2, loại đất NTD. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
28	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	421	112,9	70,4	NTD					6	248	790	N	5	421	112,9	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc 01 phần thửa đất số 248, tờ bản đồ số 6, diện tích 790,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 421 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 112,9 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
29	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	422	81,2	81,2	NTD					6	248	790	N	5	422	81,2	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): thuộc 01 phần thửa đất số 248, tờ bản đồ số 6, diện tích 790,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 422 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 81,2 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
30	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	429	279,4	279,4	NTD					6	248	790	N	5	429	279,4	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 248, tờ bản đồ số 6, diện tích 790,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 429 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 279,4 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 99, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
31	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	462	147,6	147,6	NTD					6	311	495	N	5	462	147,6	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 311, tờ bản đồ số 6, diện tích 495,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 462 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 147,6 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
32	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	470	74,2	56,7	DGT					6	306	8168	Hg	5	470	74,2	DGT	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 306, tờ bản đồ số 6, diện tích 8168,0 m2, loại đất: Hg; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 470 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 74,2 m2, loại đất DGT; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
33	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	472	15,0	15,0	NTD					6	270	775	M	5	472	15,0	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 270, tờ bản đồ số 6, diện tích 775,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 472 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 15,0 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 100, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
34	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	475	40,9	40,9	NTD					6	311	495	N	5	475	40,9	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 311, tờ bản đồ số 6, diện tích 495,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 475 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 40,9 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 100, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
35	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	477	11,2	11,2	NTD					6	311	495	N	5	477	11,2	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 311, tờ bản đồ số 6, diện tích 495,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 477 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 11,2 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
36	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	479	9,7	9,7	NTD					6	311	495	N	5	479	9,7	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 311, tờ bản đồ số 6, diện tích 495,0 m2, loại đất: N+; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 132; tên đăng ký: Đất sử dụng công cộng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 39, tên chủ sử dụng đất: Đất sử dụng công cộng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 479 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 9,7 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
37	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	484	355,6	237,6	DTL									5	484	355,6	DTL	- Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 484 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 355,6 m2, loại đất DTL. Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
38	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	491	16,3	16,3	NTD					6	270	775	M	5	491	16,3	NTD	- Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 270, tờ bản đồ số 6, diện tích 775,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 131; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 57, tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 491 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 16,3 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1 trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
39	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	512	700,8	700,8	HNK	2	492	2230	ĐM	6	329	632	M	5	512	700,8	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76 thể hiện thửa đất số 492, tờ bản đồ số 2, diện tích 2230 m2, loại ruộng đất: ĐM, Chủ sử dụng: Chùa Thiên Ấn. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc thửa đất số 329, tờ bản đồ số 6, diện tích 632,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 133; tên đăng ký: UBND xã Tịnh An; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 113, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa giao. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 512 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 700,8 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 101, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
40	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	573	776,9	587,1	DGT									5	573	776,9	DGT	- Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 573, tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng) diện tích 776,9 m2, loại đất DGT. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 102, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
41	UBND phường Trương Quang Trọng	1	93	5	1349	59,9	0,5	NTD					6	200	570	M	5	1349	59,9	NTD	- Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 1349 tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng), diện tích 59,9 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 119, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
42	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	54	237,4	160,0	DGT									18	54	11.991,5	DGT	- Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 5 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 93 phường Trương Quang Trọng) diện tích 11,991,5 m2, loại đất DGT. Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 8, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
43	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	180	18,6	18,6	NTD					6	348	636	M	18	180	18,6	NTD	'- Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thuộc thửa đất số 180 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 18,6 m2, loại đất NTD; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 13, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	
44	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	232	204,6	143,1	HNK	2	488	1056	ĐM	6	373	262	M	18	232	204,6	BHK	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 488, tờ bản đồ số 2, diện tích 1056 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76, tên chủ sử dụng đất: Nguyễn Ơi (03 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 6. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc thửa đất số 373, tờ bản đồ số 6, diện tích 262,0 m2, loại đất: M; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 134; tên đăng ký: UB xã, phần ghi chú thể hiện Đông Ấn xâm canh. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 232 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 204,6 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 14, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
45	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	255	113,1	104,5	DGT									18	255	131,0	DGT	- Theo hồ sơ địa chính năm 2019: thuộc thửa đất số 255 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 131 m2, loại đất DGT. Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 15, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý.	

STT	Tờ bản đồ địa chính khu đất dự án năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 1985				Tờ BĐĐC lập năm 1997				Tờ BĐĐC lập năm 2019				Nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ	Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ khu đất	Tờ BĐĐC P.TQT (mới)	Tờ BĐĐC xã Tịnh An	Số thửa	Diện tích thửa	Diện tích quy hoạch	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích	Loại đất		
46	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	256	68,9	24,3	CLN	2	488	1056	ĐM	6	370 371 372	280 252 612	ĐM ĐM ĐM	18	256	68,9	CLN	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 488, tờ bản đồ số 2, diện tích 1056 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 76, tên chủ sử dụng đất: Nguyễn Ơi (03 hộ), phần ghi chú thể hiện ghi 5% Đội 6. -Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 370, tờ bản đồ số 6, diện tích 280 m2, loại đất: ĐM; 01 phần thửa đất số 370, tờ bản đồ số 6, diện tích 280 m2, loại đất: ĐM và 01 phần thửa đất số 370, tờ bản đồ số 6, diện tích 280 m2, loại đất: ĐM; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 134; Các thửa 370, 371, 372 tên đăng ký: UB xã, phần ghi chú thể hiện Đông Ấn xâm canh. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 256 tờ bản đồ số 18 (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 68,9 m2, loại đất BHK; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 15, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng). Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
47	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	257	247,9	145,1	CLN	2	603	1579	ĐM	6	422	1770	T	18	257	247,9	CLN	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc 01 phần thửa đất số 603, tờ bản đồ số 2, diện tích 1579 m2, loại đất: ĐM. Tại sổ mục kê Quyển số 1, trang 81, tên chủ sử dụng đất: Nguyễn Nà (05 hộ), phần ghi chú thể hiện đất 5%. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): 01 phần thửa đất số 353, tờ bản đồ số 6, diện tích 715,0 m2, loại đất: Hg và 01 phần thửa đất số thửa đất số 422, tờ bản đồ số 6, diện tích 1770,0 m2, loại đất: T; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 133; tên đăng ký: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), tại trang 133, thửa 353 tên chủ sử dụng đất: UBND xã Tịnh An. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 247,9 m2, loại đất CLN; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 15, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
48	UBND phường Trương Quang Trọng	1	106	18	259	269,0	107,8	CLN					6	353	715	Hg	18	259	269,0	CLN	- Theo hồ sơ địa chính năm 1985 (bản đồ 299/TTg): Theo bản đồ 299 thuộc đường giao thông. - Theo hồ sơ địa chính NĐ64/CP (năm 1997): Thuộc 01 phần thửa đất số 353, tờ bản đồ số 6, diện tích 715,0 m2, loại đất: Hg; Tại sổ mục kê thuộc Quyển số 2, trang 133; tên đăng ký: Đất chưa phân phối sử dụng; Tại sổ địa chính Quyển số 10 (đất cơ quan tổ chức), trang 133, tên chủ sử dụng đất: Đất chưa phân phối sử dụng. - Theo hồ sơ địa chính năm 2019: Thửa đất số 259 tờ bản đồ số 18 xã Tịnh An (nay là tờ bản đồ số 106 phường Trương Quang Trọng), diện tích 269,0 m2, loại đất CLN; Tại sổ mục kê Quyển số 3, trang 15, do UBND xã Tịnh An (nay là phường Trương Quang Trọng) quản lý, không thuộc trường hợp cấp GCN. Thửa đất này có nguồn gốc đất do UBND xã Tịnh An (nay là UBND phường Trương Quang Trọng) quản lý, đăng ký vào Sổ địa chính từ năm 1997, không thuộc trường hợp cấp GCN.	
Tổng					**48**	**16.165,4**	**12.115,9**															

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 86/TB-BQL	*Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 4 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 01) công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua phường Trương Quang Trọng

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho phép tiếp tục thực hiện thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền và áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

Căn cứ Công văn số 1286/UBND-CNXD ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện nhiệm vụ bồi thường, GPMB công trình khu tái định cư Hòa Bình, Đông Thiên Ấn và khu cải táng mồ mả tại khu nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

Căn cứ các Thông báo ngày 29/10/2025, ngày 31/10/2025, ngày 06/11/2025 của UBND phường Trương Quang Trọng về việc thông báo thu hồi đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng tại phường Trương Quang Trọng để thực hiện công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

Hiện nay, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh đã hoàn thành công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 01) công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua phường Trương Quang Trọng. Thực hiện các quy định về bồi thường, hỗ trợ, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Thông báo niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 01) công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua phường Trương Quang Trọng để người bị thu hồi đất và những đối tượng có liên quan tham gia ý kiến theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 87, Luật Đất đai năm 2024 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên phương án bồi thường: Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 01) công trình Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, đoạn qua phường Trương Quang Trọng

2. Chủ đầu tư (đơn vị thực hiện công tác bồi thường): Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đơn vị phê duyệt phương án bồi thường: UBND phường Trương Quang Trọng.

4. Địa điểm niêm yết: Trụ sở UBND phường Trương Quang Trọng; Nhà văn hóa Tổ dân phố Long Bàn và trên Cổng thông tin điện tử của UBND phường Trương Quang Trọng (nhờ UBND phường đăng tải giúp).

5. Nội dung niêm yết: Dự thảo phương án bồi thường theo quy định của Nhà nước *(có Phương án chi tiết và bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ kèm theo).*

6. Thời gian niêm yết: Từ ngày 10/4/2026 đến hết ngày 20/4/2026 *(theo quy định tại Điểm b, Khoản 9, Điều 3, Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội).*

7. Thời gian, địa điểm tiếp nhận ý kiến tham gia góp ý: Trong giờ hành chính các ngày làm việc từ ngày 10/4/2026 đến hết ngày 20/4/2026, tại Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Trương Quang Trọng hoặc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ số 234, đường Võ Thị Sáu, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi. Để biết thêm thông tin chi tiết, đề nghị các tổ chức, cá nhân liên hệ ông Nguyễn Quang Vinh, nhân viên Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi, số điện thoại: 0948.214.949.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh thông báo để cho người bị thu hồi đất và các đối tượng có liên quan được biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND, UBMTTQVN P.Trương Quang Trọng;
- Phòng KT,HT&ĐT P.Trương Quang Trọng;
- Tổ trưởng, Trưởng Ban công tác mặt trận Tổ dân phố Long Bàn;
- GĐ, PGĐ Ban (A. Bảo);
- Lưu: VT,QLDA2.qvinh.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Đỗ Vũ Bảo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 ngày 10/4/2026, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi chủ trì phối hợp với UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị có liên quan tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi với nội dung cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

1. Đại diện Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi

Ông: Đỗ Vũ Bảo — Chức vụ: Phó Giám đốc Ban

Ông: Trương Quang Hoàng Vũ — Chức vụ: Phó Trưởng phòng QLDA2

Ông: Nguyễn Quang Vinh — Chức vụ: Cán bộ phòng QLDA2

2. Đại diện UBND phường Trương Quang Trọng

Ông: Lữ Ngọc Út — Chức vụ: Phó Chủ tịch

3. Đại diện UBMTTQVN phường Trương Quang Trọng

Ông: Nguyễn Quốc Duy — Chức vụ: Phó Chủ tịch

4. Đại diện Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Bà: Vi Thị Quý — Chức vụ: Chuyên viên

Ông: Trương Ngọc Quý — Chức vụ: Chuyên viên

5. Đại diện Tổ dân phố Long Bàn:

Ông: Đặng Trung — Chức vụ: Tổ trưởng TDP

6. Đại diện các hộ dân bị ảnh hưởng:

Ông: Huỳnh Kim Anh — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Nguyễn Giám — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Nguyễn Chiến — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Phạm Đây — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Phạm Văn Phú — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Nguyễn Văn Phúc — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Trần Văn Dũng — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Trần Hữu Khoa — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Bà: Nguyễn Thị Mai Liên — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

II. Nội dung:

Dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường Hoàng Sa – Dốc Sỏi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi *(viết tắt là Ban Quản lý dự án)* làm Chủ đầu tư và thực hiện nhiệm vụ bồi thường, GPMB công trình khu tái định cư Hòa Bình, Đông Thiên Ấn và khu cải táng mồ mả tại khu nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi tại Văn bản số 1286/UBND-CNXD ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 và điểm b, khoản 9, Điều 3, Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội, Ban Quản lý dự án đã phối hợp với UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị có liên quan lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình khu tái định cư Đông Thiên Ấn và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Thông báo số 86/TB-UBND ngày 10/4/2026 theo quy định.

Hôm nay, Ban Quản lý dự án chủ trì phối hợp với UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị có liên quan tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, cụ thể như sau:

1. Tên phương án bồi thường: Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

2. Chủ đầu tư (đơn vị thực công tác bồi thường): Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi.

3. Địa điểm niêm yết: Trụ sở UBND phường Trương Quang Trọng, điểm sinh hoạt Tổ dân phố Long Bàn.

4. Nội dung niêm yết: Dự thảo phương án bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

(Có phương án bồi thường chi tiết kèm theo)

6. Thời gian niêm yết: Từ ngày 10/4/2026 đến hết ngày 20/4/2026 *(theo quy định tại Điểm b, Khoản 9, Điều 3, Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội).*

Trong quá trình niêm yết Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm tiếp nhận ý kiến tham gia góp ý và sẽ tổ chức họp giải đáp thắc mắc cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng tại UBND phường Trương Quang Trọng.

Nay, Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với UBND, UBMTTQVN UBND phường Trương Quang Trọng, Tổ trưởng Tổ dân phố Long Bàn và đại diện hộ dân bị ảnh hưởng thống nhất lập Biên bản niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

III. Kết luận:

Các thành phần tham dự thống nhất nội dung cuộc họp như trên để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Biên bản kết thúc lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày và được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên./.

BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Quang Vinh

Đỗ Vũ Bảo

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Lê Ngọc Út

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Nguyễn Quốc Dũng

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Vi Thị Quý

Trần Ngọc Đáng

TỔ DÂN PHỐ LONG BÀN

Đặng Trung

ĐẠI DIỆN CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG

Nguyễn Giám

Phạm Đãy

Nguyễn Văn Phúc

Nguyễn Khẩn

Phạm Văn Phí

Trần-V-Dũng

Trần Thị Khoa Liên

Nguyễn Thị mai Liên

Trần Văn Đức

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc kết thúc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 ngày 20/4/2026, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi chủ trì phối hợp với UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị có liên quan tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi với nội dung cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

1. Đại diện Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi

Ông: Đỗ Vũ Bảo — Chức vụ: Phó Giám đốc Ban

Ông: Trương Quang Hoàng Vũ — Chức vụ: Phó Trưởng phòng QLDA2

Ông: Nguyễn Quang Vinh — Chức vụ: Cán bộ phòng QLDA2

2. Đại diện UBND phường Trương Quang Trọng

Ông: Lữ Ngọc Út — Chức vụ: Phó Chủ tịch

3. Đại diện UBMTTQVN phường Trương Quang Trọng

Ông: Nguyễn Quốc Duy — Chức vụ: Phó Chủ tịch

4. Đại diện Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Bà: Vi Thị Quý — Chức vụ: Chuyên viên

Ông: Trương Ngọc Quý — Chức vụ: Chuyên viên

5. Đại diện Tổ dân phố Long Bàn:

Ông: Đặng Trung — Chức vụ: Tổ trưởng TDP

6. Đại diện các hộ dân bị ảnh hưởng:

Ông: Huỳnh Kim Anh — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Nguyễn Giám — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Nguyễn Chiến — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Phạm Đây — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Phạm Văn Phú — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Nguyễn Văn Phúc — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Trần Văn Dũng — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Trần Hữu Khoa — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Nguyễn Cứ — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Bà: Nguyễn Thị Mai Liên — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông (bà): .....

Ông (bà): .....

Ông (bà): .....

II. Nội dung:

Dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường Hoàng Sa – Dốc Sỏi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi *(viết tắt là Ban Quản lý dự án)* làm Chủ đầu tư và thực hiện nhiệm vụ bồi thường, GPMB công trình khu tái định cư Hòa Bình, Đông Thiên Ấn và khu cải táng mồ mả tại khu nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi tại Văn bản số 1286/UBND-CNXD ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Thông báo số 86/TB-UBND ngày 10/4/2026 của Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi đã phối hợp với UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị có liên quan tiến hành niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

Trong thời hạn niêm yết công khai 10 ngày, Ban Quản lý dự án ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi đã gửi giá trị dự kiến bồi thường cho các hộ dân bị ảnh hưởng, đã tổ chức tiếp nhận các ý kiến phản ánh, kiến nghị về các nội dung niêm yết nêu trên và đã phối hợp giải quyết theo quy định.

Nay, thống nhất lập Biên bản kết thúc thời gian niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi để làm cơ sở trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

III. Ý kiến khác:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

IV. Kết luận:

Các thành phần tham dự thống nhất nội dung cuộc họp như trên để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Biên bản kết thúc lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày và được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên./.

BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Quang Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Lữ Ngọc Vũ

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Nguyễn Quốc Dũng

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Vi Thị Quý

TỔ DÂN PHỐ LONG BÀN

Đặng Công

ĐẠI DIỆN CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG

Nguyễn Giám

Phạm Văn Phú

Trần Hữu Khoa

Nguyễn Văn Phúc

Nguyễn Thị Mai Liên

Trần V Lý

Huỳnh Kim Định

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Về việc lấy ý kiến hộ dân về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 ngày 21/4/2026, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi chủ trì phối hợp với UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị có liên quan tổ chức buổi họp lấy ý kiến hộ dân về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi với nội dung cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

1. Đại diện Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi

Ông: Đỗ Vũ Bảo — Chức vụ: Phó Giám đốc Ban

Ông: Trương Quang Hoàng Vũ — Chức vụ: Phó Trưởng phòng QLDA2

Ông: Nguyễn Quang Vinh — Chức vụ: Cán bộ phòng QLDA2

2. Đại diện UBND phường Trương Quang Trọng

Ông: Lữ Ngọc Út — Chức vụ: Phó Chủ tịch

3. Đại diện UBMTTQVN phường Trương Quang Trọng

Ông: Nguyễn Quốc Duy — Chức vụ: Phó Chủ tịch

4. Đại diện Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Bà: Vi Thị Quý — Chức vụ: Chuyên viên

Ông: Trương Ngọc Quý — Chức vụ: Chuyên viên

5. Đại diện Tổ dân phố Long Bàn:

Ông: Đặng Trung — Chức vụ: Tổ trưởng TDP

6. Đại diện các hộ dân bị ảnh hưởng:

Ông: Huỳnh Kim Anh — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Nguyễn Giám — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Nguyễn Chiến — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Phạm Đây — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Phạm Văn Phú — Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

Ông: Nguyễn Văn Phúc	Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Ông: Nguyễn Phúc	Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Ông: Trần Văn Dũng	Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Ông: Trần Hữu Khoa	Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Ông: Nguyễn Cứ	Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Ông: Nguyễn Mùi	Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Ông: Lý Trang	Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn
Bà: Nguyễn Thị Mai Liên	Thường trú: Tổ dân phố Long Bàn

II. Nội dung:

Dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường Hoàng Sa – Dốc Sỏi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi *(viết tắt là Ban Quản lý dự án)* làm Chủ đầu tư và thực hiện nhiệm vụ bồi thường, GPMB công trình khu tái định cư Hòa Bình, Đông Thiên Ấn và khu cải táng mồ mả tại khu nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi tại Văn bản số 1286/UBND-CNXD ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 và điểm b, khoản 9, Điều 3, Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội, Ban Quản lý dự án đã phối hợp với UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị có liên quan lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình khu tái định cư Đông Thiên Ấn và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Thông báo số 86/TB-UBND ngày 10/4/2026 theo quy định.

Hôm nay, Ban Quản lý dự án chủ trì phối hợp với UBND phường Trương Quang Trọng và các đơn vị có liên quan tổ chức buổi họp lấy ý kiến hộ dân về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) công trình: Khu tái định cư Đông Thiên Ấn thuộc Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, cụ thể như sau:

1. Ý kiến tham gia của các hộ dân về phương án bồi thường, hỗ trợ

+ Ông: Nguyễn Phúc: Đề nghị Ban Quản lý dự án cho biết vị trí bố trí để di dời mồ mả.

+ Ông: Nguyễn Mùi: Việc hỗ trợ di dời 850.000 đồng/mộ là ít, không đủ để di dời.

+ Ông: Lý Trang: Việc di dời mồ mả về các nghĩa địa hiện trạng có thể liên hệ với quản trang có được không.

+ Ông: Phạm Văn Phú: Giá trị bồi thường còn thấp, không đủ để xây lại như ban đầu.

+ Ông: Nguyễn Chiến: Phần mộ của gia đình tôi có phần bê tông núm mộ có được bồi thường, hỗ trợ không.

2. Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các hộ dân

Ông Trương Quang Hoàng Vũ – Phó trưởng phòng Quản lý dự án 2, Ban Quản lý dự án (Tổ trưởng Tổ công tác GPMB) giải trình, tiếp thu ý kiến của các hộ dân; cụ thể như sau:

+ Đối với ý kiến của ông Nguyễn Phúc: Mồ mả sẽ được di dời về Nghĩa trang đã xây dựng thuộc phường Trương Quang Trọng (thôn Tự Do, xã Tịnh Ấn Đông cũ) do Công ty Năm bảy bảy đầu tư xây dựng và đã bàn giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh thực hiện cải táng mồ mả bị ảnh hưởng để giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa – Dốc Sỏi tại Biên bản bàn giao thực địa ngày 15/11/2025.

+ Đối với ý kiến của ông Nguyễn Mùi: Ban Quản lý dự án đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định tại Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 và Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Đối với ý kiến của ông Lý Trang: Việc di dời mồ mả về các nghĩa địa hiện trạng phải liên hệ với chính quyền địa phương sở tại và được chính quyền địa phương cho phép mới được di dời đến.

+ Đối với ý kiến của ông Phạm Văn Phú: Ban Quản lý dự án sẽ phối hợp với UBND phường Trương Quang Trọng để xem xét tính thêm phần khối lượng cột, mái bê tông (phần ngoài cấp mộ theo quy định) cho hộ dân.

+ Đối với ý kiến của ông Nguyễn Chiến: Đối với phần bê tông núm mộ, Ban Quản lý dự án đã tính toán đầy đủ cho hộ dân.

Qua trao đổi, giải trình của Ban Quản lý dự án, các hộ dân đều thống nhất với phương án bồi thường, hỗ trợ và đề nghị cấp thẩm quyền sớm phê duyệt, chi trả tiền để hộ dân kịp di dời trong tháng 3 Âm lịch năm 2026.

Số lượng hộ dân tham dự: 13 hộ dân;

Số lượng hộ dân đồng ý với phương án bồi thường: 12 hộ dân;

Số lượng hộ dân không đồng ý với phương án bồi thường: 01 hộ dân (Ông Nguyễn Mùi).

3. Ý kiến khác:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

III. Kết luận:

Các thành phần tham dự thống nhất nội dung cuộc họp như trên để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Biên bản kết thúc lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày và được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên./.

BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Quang Vinh

Trần Quang Hồng Vũ

Đặng Hữu Bảo

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Lữ Ngọc Út

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Nguyễn Quốc Dũng

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Vi Chí Quý

Trần Nhật Quý

TỔ DÂN PHỐ LONG BÀN

Đặng Trung

ĐẠI DIỆN CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG

Nguyễn Thị Mai Li

Phạm Văn Phú

Trần Văn Dũng

Phạm Đô Minh